



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Đắk Lắk*

Số 53 + 54

Ngày 09 tháng 4 năm 2026

## MỤC LỤC

	Trang
<b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>	
01-4-2026	Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk. 4
<b>CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>	
02-4-2026	Quyết định số 03/2026/QĐ-CTUBND ban hành quy định về định mức hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thực hiện nhiệm vụ giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 18
<b>VĂN BẢN KHÁC</b>	
<b>HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH</b>	
30-3-2026	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031. 27
30-3-2026	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu chức danh Phó Chủ tịch HĐND tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031. 29
30-3-2026	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031. 31

30-3-2026	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu chức danh Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	33
30-3-2026	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu chức danh Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	35
30-3-2026	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu chức danh Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	37
30-3-2026	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu Ủy viên UBND tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	39
30-3-2026	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND xác nhận kết quả bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội thẩm nhân dân các Tòa án nhân dân khu vực tỉnh Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2026 - 2031.	41
30-3-2026	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND về kế hoạch tổ chức các kỳ họp trong năm 2026 của HĐND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	87
02-4-2026	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND phê chuẩn số lượng, danh sách Phó Trưởng Ban và Ủy viên là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách của Ban Pháp chế HĐND tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	89
02-4-2026	Nghị quyết số 107/NQ-HĐND phê chuẩn số lượng, danh sách Phó Trưởng Ban và Ủy viên là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách của Ban Dân tộc HĐND tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	91
02-4-2026	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND phê chuẩn số lượng, danh sách Phó Trưởng Ban và Ủy viên là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031.	93

- 02-4-2026 Nghị quyết số 109/NQ-HĐND phê chuẩn số lượng, danh sách Phó Trưởng Ban và Ủy viên là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách của Ban Văn hóa Xã hội HĐND tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031. 95

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 4 năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.*

*Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 17TTr-SCT ngày 27 tháng 01 năm 2026 và Công văn số 865/SCT-QLTM ngày 20 tháng 3 năm 2026.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk,*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2026; Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk, bãi bỏ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk bổ sung một số nội dung vào Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND)

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Chương trình); quy định nội dung xúc tiến thương mại được hỗ trợ, mức hỗ trợ và mức chi làm căn cứ để các tổ chức xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện.

###### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý, đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, các đơn vị tham gia Chương trình, cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

##### **Điều 2. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (gọi tắt là đơn vị chủ trì) là các cơ quan, đơn vị có chức năng xúc tiến thương mại, đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân, có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

c) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp; không vì mục tiêu lợi nhuận, được phép huy động các nguồn tài trợ, xã hội hóa hoặc các nguồn thu hợp pháp để bù đắp chi phí tổ chức, tái đầu tư cho hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

d) Có kế hoạch xúc tiến thương mại đối với từng lĩnh vực cụ thể của ngành.

2. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Điều 3. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (gọi tắt là đơn vị tham gia) là đối tượng trực tiếp thực hiện các hạng mục thuộc nội dung Chương trình và được đơn vị chủ trì hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Đơn vị tham gia, gồm:

- a) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.
- b) Các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể, làng nghề truyền thống.
- c) Các cơ sở sản xuất được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đơn vị tham gia được hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm thực hiện có hiệu quả, đúng quy định các chương trình xúc tiến thương mại.

### **Điều 4. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình**

1. Sở Công Thương là cơ quan được giao quản lý Chương trình xúc tiến thương mại địa phương, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các Chương trình, định hướng hoạt động xúc tiến thương mại theo chiến lược, đề án của ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Xem xét, phê duyệt các Chương trình xúc tiến thương mại địa phương hằng năm sử dụng nguồn ngân sách địa phương được giao theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

c) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra kế hoạch chi tiết từng Chương trình của ngành; Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại được phê duyệt.

d) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Chương trình của ngành.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ:

a) Xây dựng, đề xuất các hoạt động xúc tiến thương mại thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương; bố trí kinh phí từ ngân sách được giao hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại thuộc phạm vi quản lý; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện theo quy định.

### **Điều 5. Kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm.
- b) Đóng góp của các tổ chức, các đơn vị tham gia Chương trình.
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

- a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức được giao quản lý Chương trình.
- b) Hỗ trợ các đơn vị tham gia Chương trình thông qua đơn vị chủ trì.
- c) Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn kết hợp với phân ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện Chương trình.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, MỨC HỖ TRỢ, MỨC CHI**

#### **Điều 6. Công tác thông tin, tuyên truyền**

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam qua các hoạt động truyền thông, trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, trên nền tảng số và các hình thức phổ biến thông tin khác.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu.

#### **Điều 7. Đào tạo, tập huấn về xúc tiến thương mại**

1. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; biên dịch, phiên dịch; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; giảng viên, báo cáo

viên; thù lao, ăn, ở, đi lại; hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại và các chi phí khác.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 6, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tham gia các lớp tập huấn về công tác, nghiệp vụ xúc tiến thương mại do các tổ chức xúc tiến thương mại thực hiện.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% công tác phí tham gia tập huấn.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Điều 8. Tổ chức các hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm**

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thù lao, ăn, ở, đi lại cho chuyên gia; phiên dịch, biên dịch; thuê hội trường, thiết bị, trang trí, chi phí khác.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Điều 9. Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh**

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia; hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; Thù lao, ăn, ở, đi lại của báo cáo viên; Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Điều 10. Hoạt động điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu**

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm, nhu cầu tiêu dùng.

2. Mức chi: Mức chi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Điều 11. Hội chợ triển lãm trong và ngoài nước****1. Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước**

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí thuê mặt bằng; thiết kế, trang trí tổng thể và dàn dựng gian hàng; tuyên truyền cổ động trực quan, tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, vận chuyển, tổ chức khai mạc, bế mạc, giấy mời, trang trí, âm thanh, ánh sáng, lễ tân, đón tiếp, nước uống, tài liệu; tư vấn đấu thầu đối với đơn vị chủ trì. Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng hội chợ, triển lãm đối với đơn vị tham gia.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tham gia hội chợ, triển lãm trong nước**

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, thiết kế trang trí gian hàng chung của tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm; chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia gian hàng chung của tỉnh, bảo vệ gian hàng chung; tư vấn đấu thầu; công tác phí cho cán bộ đoàn chủ trì, bao gồm cả cán bộ quản lý Chương trình đối với đơn vị chủ trì. Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng riêng tại hội chợ, triển lãm đối với đơn vị tham gia.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**3. Tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài**

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng chung của tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm; thiết kế, trang trí gian hàng chung cho khu vực gian hàng chung của tỉnh; vận chuyển hàng hoá tham gia trưng bày triển lãm; chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm, bao gồm: Giấy mời, tiếp đón, thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, người dẫn chương trình; tư vấn đấu thầu; công tác phí cho cán bộ đoàn chủ trì bao gồm cả cán bộ quản lý Chương trình đối với đơn vị chủ trì. Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng và không quá 02 gian tiêu chuẩn cho mỗi lượt tham gia; vé máy bay quốc tế 01 chiều cho 01 người/đơn vị tham gia hoặc chi phí đi lại bằng đường bộ đối với các tỉnh có đường biên giới giáp với Việt Nam đối với đơn vị tham gia.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Điều 12. Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Vận chuyển; thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện, nước, an ninh, vệ sinh; tổ chức lễ khai mạc, bế mạc; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa; tư vấn đấu thầu; các khoản chi khác.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Điều 13. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại trong và ngoài nước, hoạt động xúc tiến thương mại tại chỗ**

1. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại trong nước: Tổ chức, tham gia hội nghị kết nối cung - cầu tiêu thụ sản phẩm, hội nghị kết nối giao thương, hội nghị quốc tế.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì gồm: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí: Tổ chức hội thảo giao thương; thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu; tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch; công tác phí cho cán bộ đoàn chủ trì bao gồm cả cán bộ quản lý Chương trình đối với đơn vị chủ trì. Hỗ trợ 01 vé máy bay khứ hồi/đơn vị tham gia đối với đơn vị tham gia.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 3, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Đón đoàn đến giao dịch thương mại tại tỉnh

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì, gồm: Tiếp đón, công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình, tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch, văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Điều 14. Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng**

1. Xây dựng, duy trì và phát triển trang thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh nhằm phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, sản phẩm, thông tin thị trường.

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau: Duy trì, quản trị trang thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; thù lao, nhuận bút cung cấp tin, bài, hình ảnh.

b) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hỗ trợ xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử

a) Nội dung thực hiện: Thuê tư vấn, hỗ trợ mở tài khoản trên sàn giao dịch thương mại điện tử; mở tài khoản, duy trì tư cách thành viên; thiết kế nhận diện chung gian hàng của các đơn vị tham gia; tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia, giao dịch; xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; nâng hạng gian hàng và sử dụng dịch vụ gia tăng của sàn giao dịch thương mại điện tử; hướng dẫn, đào tạo kỹ năng tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Duy trì tư cách thành viên cơ bản cho tài khoản của đơn vị tham gia tối đa 12 tháng; duy trì tư cách thành viên đặc biệt cho đơn vị chủ trì tối đa 12 tháng để khai thác thông tin khách hàng cung cấp cho đơn vị tham gia; thiết kế nhận diện chung gian hàng của các đơn vị tham gia; tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia, giao dịch; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: thuê nhân công hỗ trợ kỹ thuật, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tài khoản; thuê tư vấn đấu thầu (nếu có); bưu chính; điện thoại; văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Tham gia gian hàng của các hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về gian hàng của tỉnh; mời các đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê gian hàng trực tuyến; Thiết kế tổng thể và chi tiết khu gian hàng trực tuyến; Xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về gian hàng của tỉnh; mời các đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê gian hàng trực tuyến; Thiết kế tổng thể

và chi tiết khu gian hàng trực tuyến; Xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 4. Tổ chức hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm; mời đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê nền tảng trực tuyến tổ chức hội chợ, triển lãm; Thiết kế tổng thể và chi tiết hội chợ, triển lãm; Xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm; mời đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê nền tảng trực tuyến tổ chức hội chợ, triển lãm; Thiết kế tổng thể và chi tiết hội chợ, triển lãm; Xây dựng hình ảnh, video, số hóa các sản phẩm trưng bày của đơn vị tham gia; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 5. Tổ chức hội nghị, hội thảo ngành hàng xuất khẩu, giao thương trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội nghị giao thương; mời đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch (nếu có); Thuê báo cáo viên, thuyết trình viên; In ấn tài liệu, giải khát giữa giờ, văn phòng phẩm đối với hội nghị, giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm đối với giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền, quảng bá, tổ chức giới thiệu thông tin về hội nghị, giao thương; mời đơn vị tham gia, giao dịch; Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch (nếu có); In ấn tài liệu, giải khát giữa giờ, văn phòng phẩm đối với hội nghị, giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản

phẩm đối với giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia; Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch; Thuê báo cáo viên, thuyết trình viên; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia; Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch; Thuê báo cáo viên, thuyết trình viên: Thù lao, công tác phí; Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7. Tổ chức đào tạo, tập huấn trên môi trường mạng

a) Nội dung thực hiện: Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo; Thuê giảng viên, số hóa bài giảng; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (nếu có); Thuê nền tảng đào tạo trực tuyến; Khởi tạo và nhập liệu nội dung đào tạo; Kiểm thử chương trình đào tạo; Khởi tạo tài khoản giảng viên và học viên; Thuê, mua thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo, tập huấn; In ấn, phát hành giấy chứng nhận (nếu có); Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung sau: Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo; Thuê giảng viên, số hóa bài giảng; biên dịch, phiên dịch (nếu có); Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (nếu có); Thuê nền tảng đào tạo trực tuyến; In ấn, phát hành giấy chứng nhận (nếu có); Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

c) Mức chi: Quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## **Điều 15. Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu**

### 1. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm đáp ứng hệ thống tiêu chí Thương hiệu quốc gia Việt Nam bao gồm các hoạt động: Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu và khả năng áp dụng các tiêu chí Thương hiệu quốc gia Việt Nam tại các doanh nghiệp; Phổ biến, cung cấp thông tin; Tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn doanh nghiệp phát triển sản phẩm.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu ở trong và ngoài nước bao gồm các hoạt động: Tư vấn doanh nghiệp xây dựng, phát triển thương hiệu; Tư vấn doanh nghiệp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước; Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, đào tạo, tập huấn.

c) Các hoạt động thông tin, truyền thông cho Chương trình ở trong và ngoài nước bao gồm các hoạt động: Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước xây dựng, quảng bá Thương hiệu quốc gia Việt Nam; Điều tra, nghiên cứu thị trường để định hướng cho các hoạt động thông tin, truyền thông; Truyền thông, quảng bá về Chương trình và các doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam tại các sự kiện ngoại giao, kinh tế, thương mại, xúc tiến thương mại - đầu tư - du lịch và trên các phương tiện truyền thông; Xây dựng và phát hành các sản phẩm thông tin; xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử đa ngôn ngữ và các phần mềm ứng dụng cho Chương trình; Tổ chức hội thảo, hội nghị, diễn đàn để quảng bá Chương trình trong và ngoài nước; Tham gia Tuần lễ Thương hiệu quốc gia Việt Nam trong và ngoài nước; Tham gia Lễ Công bố các doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Điều 16. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác**

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí cho đơn vị chủ trì thực hiện các hoạt động:

a) Trưng bày sản phẩm hàng hóa của tỉnh tại các phòng trưng bày sản phẩm hàng hóa ngoài tỉnh, ngoài nước.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tham gia giới thiệu, trưng bày sản phẩm tại các tỉnh, thành phố trong nước: chi phí thuê mặt bằng, chi phí tiền điện, tiền nước.

2. Mức chi: Quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Điều 17. Quy định về mức chi**

Mức chi đối với các nội dung Chương trình được hỗ trợ theo quy định tại Quy chế này; trường hợp những nội dung và mức chi đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định thì thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với nội dung và mức chi chưa được quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, áp dụng mức chi theo nguyên tắc không vượt quá quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức quản lý Chương trình**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Chương trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền.

#### **Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì**

1. Tổ chức thực hiện Chương trình được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng quy định hiện hành. Hàng năm, trước ngày 30/6, đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch dự toán chương trình xúc tiến thương mại năm tiếp theo trình cơ quan, tổ chức quản lý Chương trình để tổng hợp.

2. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với nội dung Chương trình.

3. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Quy chế này.

4. Khi thực hiện xong mỗi Chương trình, đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo kết quả tình hình thực hiện về cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc Chương trình.

#### **Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan**

1. Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị về kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại; căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao dự toán ngân sách nhà

nước theo phân cấp ngân sách hiện hành để các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

3. Trách nhiệm của đơn vị tham gia: Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi thực hiện Chương trình, đơn vị tham gia Chương trình có trách nhiệm báo cáo kết quả tham gia thực hiện với đơn vị chủ trì.

### **Điều 21. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2026/QĐ-CTUBND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 4 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về định mức hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thực hiện nhiệm vụ giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 231/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 3 năm 2026;*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về định mức hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thực hiện nhiệm vụ giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về định mức hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thực hiện nhiệm vụ giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2026.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

#### **Về định mức hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thực hiện nhiệm vụ giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2026/QĐ-CTUBND)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về định mức hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thực hiện nhiệm vụ giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động giao rừng, cho thuê rừng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Quy định này.

#### **Điều 3. Định mức về hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật và các chi phí thực hiện dự án/nhiệm vụ giao rừng, cho thuê rừng**

1. Định mức về hệ số lương, cấp bậc kỹ thuật (trong đó, cấp bậc kỹ thuật được xác định theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang):

Mục	Tên công việc	Định mức lao động giao rừng, cho thuê rừng			
		Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương	Cấp bậc kỹ thuật (Theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP)
<b>A</b>	<b>Xây dựng kế hoạch</b>				
<b>1</b>	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan				
1.1	Dưới 500 ha	Xã	5	4,32	7
1.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã	6	4,32	7
1.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã	8	4,32	7
1.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã	10	4,32	7
1.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã	12	4,32	7

Mục	Tên công việc	Định mức lao động giao rừng, cho thuê rừng			
		Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương	Cấp bậc kỹ thuật (Theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP)
1.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã	15	4,32	7
1.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã	20	4,32	7
2	Xác định ranh giới giao rừng, cho thuê rừng				
2.1	Diện tích đã được giao đất	ha	0,01	4,32	7
2.2	Diện tích chưa được giao đất	ha	0,02	4,32	7
3	Số hóa và biên tập, in bản đồ				
3.1	Tỷ lệ 1/1.000	Mảnh	6,6	4,32	7
3.2	Tỷ lệ 1/2.000	Mảnh	7,9	4,32	7
3.3	Tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	9,5	4,32	7
3.4	Tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	11,4	4,32	7
4	Tổ chức họp cấp thôn				
4.1	Hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là hộ)				
4.1.1	Diện tích đã được giao đất	Hộ	0,2	4,32	7
4.1.2	Diện tích chưa được giao đất	Hộ	0,4	4,32	7
4.2	Cộng đồng				
4.2.1	Diện tích đã được giao đất	Cộng đồng	4	4,32	7
4.2.2	Diện tích chưa được giao đất				
-	Cộng đồng dưới 20 hộ	Cộng đồng	4	4,32	7
-	Cộng đồng từ 20 đến dưới 30 hộ	Cộng đồng	5	4,32	7
-	Cộng đồng từ 30 đến dưới 40 hộ	Cộng đồng	6	4,32	7
-	Cộng đồng từ 50 hộ trở lên	Cộng đồng	7	4,32	7
4.3	Chủ rừng là tổ chức				

Mục	Tên công việc	Định mức lao động giao rừng, cho thuê rừng			
		Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương	Cấp bậc kỹ thuật (Theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP)
4.3.1	Diện tích đã được giao đất	Chủ rừng	4	4,32	7
4.3.2	Diện tích chưa được giao đất				
-	Hợp cấp xã	Xã	4	4,32	7
-	Hợp cấp thôn liên kê	Thôn	4	4,32	7
5	Phân tích số liệu, viết báo cáo kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng				
5.1	Dưới 500 ha	Xã	10	4,32	7
5.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã	15	4,32	7
5.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã	20	4,32	7
5.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã	25	4,32	7
5.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã	30	4,32	7
5.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã	35	4,32	7
5.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã	40	4,32	7
6	Hội nghị báo cáo kế hoạch, rà soát chỉnh sửa sau hội nghị	Xã	15	4,32	7
7	In ấn, giao nộp tài liệu	Xã	8	3,33	4
<b>B</b>	<b>Giao rừng, cho thuê rừng</b>				
<b>I</b>	<b>Ngoại nghiệp</b>				
8	Điều tra bổ sung về hiện trạng và xác định ranh giới rừng	km	0,7	2,67	2
9	Chọn, lập và điều tra Ô tiêu chuẩn (sau đây viết là ÔTC)				
9.1	Rừng gỗ tự nhiên, rừng ngập mặn, ngập phèn, ngập nước; diện tích ÔTC 500 m <sup>2</sup>	ÔTC	5	3,33	4
9.2	Rừng gỗ tự nhiên, rừng ngập mặn, ngập phèn, ngập nước; diện tích ÔTC 1.000 m <sup>2</sup>	ÔTC	8,5	3,33	4

Mục	Tên công việc	Định mức lao động giao rừng, cho thuê rừng			
		Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương	Cấp bậc kỹ thuật (Theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP)
9.3	Rừng trồng; diện tích ÔTC 100 m <sup>2</sup>	ÔTC	1,5	3,00	3
9.4	Rừng trồng; diện tích ÔTC 500 m <sup>2</sup>	ÔTC	3	3,00	3
9.5	Rừng tre nửa; diện tích ÔTC 100 m <sup>2</sup> đối với tre nửa mọc tằm; ÔTC 6 bụi đối với tre nửa mọc bụi.	ÔTC	2	3,33	4
9.6	Rừng tre nửa; diện tích ÔTC 500 m <sup>2</sup>	ÔTC	3,5	3,33	4
9.7	Rừng tre nửa; diện tích ÔTC 1000 m <sup>2</sup>	ÔTC	6	3,33	4
9.8	Rừng hỗn giao; diện tích ÔTC 500 m <sup>2</sup>	ÔTC	4	3,33	4
9.9	Rừng hỗn giao; diện tích ÔTC 1.000 m <sup>2</sup>	ÔTC	7,5	3,33	4
10	Kiểm tra nội dung giao rừng, cho thuê rừng				
10.1	Niêm yết công khai kết quả, kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa, tiếp nhận các ý kiến góp ý	Thôn	4	4,32	7
10.2	Rà soát điều chỉnh hoàn thiện hồ sơ sau niêm yết, thống nhất số liệu với xã				
10.2.1	Dưới 500 ha	Xã	5	3,99	6
10.2.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã	6	3,99	6
10.2.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã	8	3,99	6
10.2.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã	10	3,99	6
10.2.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã	12	3,99	6
10.2.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã	15	3,99	6
10.2.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã	20	3,99	6

Mục	Tên công việc	Định mức lao động giao rừng, cho thuê rừng			
		Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương	Cấp bậc kỹ thuật (Theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP)
11	Bàn giao rừng tại thực địa				
11.1	Chủ rừng là cộng đồng, tổ chức				
11.1.1	Dưới 30 ha	ha	0,2	3,33	4
11.1.2	Từ 30 ha đến dưới 100 ha	ha	0,18	3,33	4
11.1.3	Từ 100 ha đến dưới 500 ha	ha	0,15	3,33	4
11.1.4	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	ha	0,1	3,33	4
11.1.5	Từ 1.000 ha trở lên	ha	0,05	3,33	4
11.2	Chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình (tính bình quân diện tích giao cho 01 chủ)				
11.2.1	Dưới 1 ha	Chủ rừng	1	3,33	4
11.2.2	Từ 1 ha đến dưới 3 ha	Chủ rừng	1,5	3,33	4
11.2.3	Từ 3 ha đến dưới 6 ha	Chủ rừng	2	3,33	4
11.2.4	Từ 6 ha đến dưới 10 ha	Chủ rừng	3	3,33	4
11.2.5	Từ 10 ha đến dưới 15 ha	Chủ rừng	4	3,33	4
11.2.6	Từ 15 ha đến dưới 20 ha	Chủ rừng	5	3,33	4
11.2.7	Từ 20 đến dưới 30 ha	Chủ rừng	6	3,33	4
<b>II</b>	<b>Nội nghiệp</b>				
12	Nhập và tính toán xử lý ÔTC				
12.1	Nhập và tính toán xử lý ÔTC rừng gỗ tự nhiên, rừng ngập mặn, ngập phèn, ngập nước, rừng tre nứa, rừng hỗn giao; diện tích ÔTC 500 m <sup>2</sup>	ÔTC	0,3	3,66	5

Mục	Tên công việc	Định mức lao động giao rừng, cho thuê rừng			
		Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương	Cấp bậc kỹ thuật (Theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP)
12.2	Nhập và tính toán xử lý ÔTC rừng gỗ tự nhiên, rừng ngập mặn, ngập phèn, ngập nước, rừng tre nửa, rừng hỗn giao; diện tích ÔTC 1.000 m <sup>2</sup>	ÔTC	0,5	3,66	5
12.3	Nhập và tính toán xử lý ÔTC rừng gỗ trồng, rừng tre nửa; diện tích ÔTC 100 m <sup>2</sup>	ÔTC	0,15	3,66	5
12.4	Nhập và tính toán xử lý ÔTC rừng gỗ trồng; diện tích ÔTC 500 m <sup>2</sup>	ÔTC	0,25	3,66	5
13	Số hóa và biên tập, in bản đồ thành quả				
13.1	Tỷ lệ 1/1.000	Mảnh	6,6	4,32	7
13.2	Tỷ lệ 1/2.000	Mảnh	7,9	4,32	7
13.3	Tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	9,5	4,32	7
13.4	Tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	11,4	4,32	7
14	Lập hồ sơ, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ trình				
14.1	Chủ rừng là cộng đồng, tổ chức				
14.1.1	Dưới 100 ha	ha	0,03	3,33	4
14.1.2	Từ 100 ha đến dưới 500 ha	ha	0,025	3,33	4
14.1.3	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	ha	0,02	3,33	4
14.1.4	Từ 1.000 ha trở lên	ha	0,015	3,33	4
14.2	Chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình (tính bình quân diện tích giao cho 01 chủ)				
14.2.1	Dưới 1 ha	Chủ rừng	0,1	3,33	4
14.2.2	Từ 1 ha đến dưới 3 ha	Chủ rừng	0,2	3,33	4
14.2.3	Từ 3 ha đến dưới 6 ha	Chủ rừng	0,3	3,33	4

Mục	Tên công việc	Định mức lao động giao rừng, cho thuê rừng			
		Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương	Cấp bậc kỹ thuật (Theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP)
14.2.4	Từ 6 ha đến dưới 10 ha	Chủ rừng	0,4	3,33	4
14.2.5	Từ 10 ha đến dưới 15 ha	Chủ rừng	0,5	3,33	4
14.2.6	Từ 15 đến dưới 20 ha	Chủ rừng	0,6	3,33	4
14.2.7	Từ 20 đến dưới 25 ha	Chủ rừng	0,7	3,33	4
14.2.8	Từ 25 đến dưới 30 ha	Chủ rừng	0,8	3,33	4
15	Lập sổ mục kê, tổng hợp hồ sơ quản lý rừng, số hóa và lưu hồ sơ	%	25% số công mục 14	3,33	4
16	Phân tích số liệu, tổng hợp xây dựng báo cáo kết quả giao rừng, cho thuê rừng				
16.1	Dưới 500 ha	Xã	10	4,32	7
16.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã	15	4,32	7
16.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã	20	4,32	7
16.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã	25	4,32	7
16.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã	30	4,32	7
16.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã	35	4,32	7
16.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã	40	4,32	7
17	Hội nghị báo cáo kết quả, hoàn thiện báo cáo	Xã	15	4,32	7
18	In và bàn giao tài liệu	Xã	8	3,33	4

2. Định mức về các chi phí P2, P3, P5, P6, P7, P8, P9, P11:

a) P2: Tiền công kiểm tra, nghiệm thu ngoại nghiệp

$$P2 = P1 * 7\%$$

b) P3: Chi phí công làm lán trại

$$P3 = P1 * 2\%.$$

c) P5: Tiền công nghiệm thu nội nghiệp

$$P5 = P4 * 15\%$$

d) P6: Chi phí phục vụ

$$P6 = (P1+P2+P3+P4+P5) * 6,7\%$$

đ) P7: Chi phí quản lý của đơn vị thực hiện

$$P7 = (P1+P2+P3+P4+P5+P6) * 12\%$$

e) P8: Chi phí máy móc, thiết bị

$$P8 = (P1+P2+P3+P4+P5+P6+P7) * 5\%$$

g) P9 : Chi phí vật tư, dụng cụ, điện nước thông tin liên lạc

$$P9 = (P1+P2+P3+P4+P5+P6+P7) * 5\%$$

h) P11: Thu nhập chịu thuế tính trước

$$P11 = (P1+P2+P3+P4+P5+P6+P7+P8+P9+P10) * 5,5\%$$

Trong đó các chi phí: P1 (Tiền công cho công tác thực địa), P4 (Tiền công cho công tác nội nghiệp) và P10 (Chi phí khác để thực hiện dự án, nếu có) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT quy định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Xác nhận kết quả bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân  
tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 – 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Xét Tờ trình số 15/TTr-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 về việc giới thiệu nhân sự bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với bà Cao Thị Hòa An, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thiện các thủ tục trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn theo quy định.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc xác nhận kết quả bầu chức danh Phó Chủ tịch  
Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 – 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Xét Tờ trình số 16 /TTr-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 về việc giới thiệu nhân sự bầu chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, gồm các ông, bà có tên sau:

1. Bà Phúc Bình Niê KĐăm, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

2. Ông Từ Thái Giang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

3. Ông Đỗ Thái Phong, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thiện các thủ tục trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn theo quy định.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH****Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 03/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh  
Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 108/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp.*

*Xét Tờ trình số 17/TTr-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thành lập 04 (bốn) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, gồm:

1. Ban Pháp chế;
2. Ban Kinh tế - Ngân sách;
3. Ban Văn hóa - Xã hội;
4. Ban Dân tộc.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH****Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

*Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

**NGHỊ QUYẾT**

**Xác nhận kết quả bầu chức danh Trưởng các Ban của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Xét Tờ trình số 18/TTr-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 giới thiệu nhân sự bầu Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu chức danh Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu chức danh Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với các ông, bà có tên sau:

1. Ông Lê Văn Cường, giữ chức vụ Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

2. Bà Phạm Thị Phương Hoa, giữ chức vụ Trưởng Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

3. Bà Phan Thị Hà Phước, giữ chức vụ Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

4. Bà Đỗ Thị Như Tình, giữ chức vụ Trưởng Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Xác nhận kết quả bầu chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân  
tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 300/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định khung số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân; trình tự, thủ tục đề nghị phê chuẩn kết quả Hội đồng nhân dân bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; trình tự, thủ tục điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại Tờ trình số 20/TTr-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 giới thiệu nhân sự bầu chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Căn cứ kết quả bầu tại Biên bản kiểm phiếu bầu chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với Ông Đỗ Hữu Huy, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH****Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Xác nhận kết quả bầu chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân  
tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 300/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định khung số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, số lượng và cơ cấu Ủy viên Ủy ban nhân dân; trình tự, thủ tục đề nghị phê chuẩn kết quả Hội đồng nhân dân bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; trình tự, thủ tục điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 giới thiệu nhân sự bầu chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với các ông (bà) có tên sau:

- Ông Đào Mỹ, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;
- Bà Hồ Thị Nguyên Thảo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

3. Ông Trương Công Thái, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

4. Ông Nguyễn Thiên Văn, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 07/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Xác nhận kết quả bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân  
tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỶ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 giới thiệu nhân sự bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, gồm các ông, bà có tên sau:

- Bà Nguyễn Thị Thu An, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công Thương;
- Ông Nguyễn Hoàng Giang, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Ông Nguyễn Minh Huân, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ông Cao Đình Huy, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Xây dựng;
- Ông Nay Phi La, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Y tế;
- Ông Bùi Hồng Quý, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp;
- Ông Phan Thanh Tám, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh;
- Ông Trần Văn Tân, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính;
- Ông Trần Hồng Tiến, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Ông Bùi Thanh Toàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

11. Ông Hồ Duy Thành, Tỉnh ủy viên, Chánh Thanh tra tỉnh;
12. Ông Ngô Đình Thiện, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
13. Ông Trương Ngọc Tuấn, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ;
14. Bà Lê Thị Thanh Xuân, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Xác nhận kết quả bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân  
tỉnh Đắk Lắk, Hội thẩm nhân dân các Tòa án nhân dân  
khu vực tỉnh Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6  
năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức kỳ  
họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Xét Tờ trình số 34/TTr-MTTQ-BTT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban  
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giới thiệu nhân sự bầu Hội thẩm nhân dân Tòa  
án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội thẩm nhân dân các Tòa án nhân dân khu vực tỉnh  
Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu Hội thẩm nhân dân Tòa  
án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội thẩm nhân dân các Tòa án nhân dân khu vực,  
nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội thẩm nhân dân các Tòa án nhân dân khu vực tỉnh Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2026 - 2031, như sau:

- Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: 47 người.
- Hội thẩm nhân dân các Tòa án nhân dân khu vực tỉnh Đắk Lắk, gồm:
  - Tòa án khu vực 1: 54 người.
  - Tòa án khu vực 2: 30 người.
  - Tòa án khu vực 3: 30 người.
  - Tòa án khu vực 4: 30 người.
  - Tòa án khu vực 5: 30 người.

- 2.6. Tòa án khu vực 6: 30 người.
- 2.7. Tòa án khu vực 7: 30 người.
- 2.8. Tòa án khu vực 8: 30 người.
- 2.9. Tòa án khu vực 9: 30 người.
- 2.10. Tòa án khu vực 10: 30 người.
- 2.11. Tòa án khu vực 11: 30 người.
- 2.12. Tòa án khu vực 12: 30 người.
- 2.13. Tòa án khu vực 13: 30 người.
- 2.14. Tòa án khu vực 14: 34 người.
- 2.15. Tòa án khu vực 15: 30 người.

*(Danh sách chi tiết kèm theo Nghị quyết này)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Hội thẩm nhân dân có tên tại Điều 1 thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**Phụ lục I**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác
		Nam	Nữ				
1	Nguyễn Như Âm	1959		Kinh	Quảng Trị	Sỹ quan Chỉ huy biên phòng	Cán bộ hưu trí
2	Trần Thị Bình		1972	Kinh	Quảng Ngãi	Cử nhân Ngữ văn	Cán bộ hưu trí
3	Lê Bá Cảnh	1974		Kinh	Thanh Hóa	Thạc sĩ luật	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh
4	Phạm Hữu Dung	1960		Kinh	Ninh Bình	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
5	Nguyễn Thị Kim Dung		1980	Kinh	Hung Yên	Đại học Sư phạm Tiểu học	Hội Liên hiệp phụ nữ Đắk Lắk
6	Phan Chí Dũng	1969		Kinh	Tp. Huế	Cử nhân Luật Cử nhân Kinh tế	Cán bộ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh
7	Hạ Nhất Duy	1971		Kinh	Quảng Ngãi	Tiến sĩ Hành chính công	Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh
8	Nguyễn Đình Đức	1975		Kinh	Thanh Hóa	Sỹ quan chỉ huy tham mưu cấp Trung đoàn	Cán bộ hưu trí
9	Nguyễn Thao Giang	1989		Kinh	Phú Thọ	Thạc sĩ Giáo dục và phát triển cộng đồng; Cử nhân ngôn ngữ Anh	Phó Bí thư Tỉnh đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Đội tỉnh Đắk Lắk
10	Trần Văn Hạt	1959		Kinh	Đắk Lắk	Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế	Cán bộ hưu trí
11	Bùi Thế Hòa	1958		Kinh	Hà Tĩnh	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
12	Lê Đình Hoan	1963		Kinh	Thanh Hóa	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
13	Phan Đắc Hoan	1985		Kinh	Đắk Lắk	Cử nhân quản lý nhà nước	Phó Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh.
14	Huỳnh Ánh Hồng		1979	Kinh	Tp. Huế	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Phó Hiệu trưởng, Trường THPT Hồng Đức, tỉnh Đắk Lắk

15	Đặng Thị Hương		1971	Kinh	Hung Yên	Đại học Ngoại ngữ	Cán bộ hưu trí
16	Nguyễn Thị Thanh Hương		1968	Kinh	Phú Thọ	Cử nhân luật	Cán bộ hưu trí
17	Võ Duy Kha	1987		Kinh	Đắk Lắk	ĐH Thể dục- công tác Đội; Thạc sỹ giáo dục và phát triển cộng đồng	Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
18	KPã Y Khoa	1982		Ê Đê	Đắk Lắk	Cử nhân báo chí	Ban Tuyên giáo, công tác xã hội, UBMTTQVN tỉnh Đắk Lắk
19	Cù Thị Lan		1960	Kinh	Nghệ An	Cử nhân sư phạm	Cán bộ hưu trí
20	Krông Ái Hương Lan		1980	Ê Đê	Đà Nẵng	Thạc sỹ	Công chức, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Giáo dục phổ thông, Sở GDĐT
21	Nguyễn Phú Lập	1975		Kinh	Đà Nẵng	Thạc sỹ Kinh tế Nông nghiệp	Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh
22	Nguyễn Thị Hồng Lê		1980		Nghệ An	Thạc sỹ Lịch sử	Phó Hiệu trưởng trường THPT Chu Văn An
23	Đặng Thị Mỹ Linh		1981	Kinh	Đắk Lắk	Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Cử nhân Báo chí, cử nhân Luật	Phó Trưởng ban -Ban Dân chủ giám sát và Phản biện xã hội, UBMTTQ Việt Nam tỉnh
24	Trần Xuân Mão	1963		Kinh	Hà Tĩnh	Cao đẳng sỹ quan Biên phòng	Cán bộ ban công tác Cựu Chiến binh tỉnh
25	Trần Thị Hoài Nam		1981	Kinh	Hà Tĩnh	Cử nhân Luật	Phó Ban - Ban Công tác công đoàn
26	H' Mơ Niê		1962	Ê Đê	Đắk Lắk	Cử nhân hành chính	Cán bộ hưu trí
27	H' Rum Niê		1959	Ê Đê	Đắk Lắk	Trung cấp phụ vận	Cán bộ hưu trí
28	H Gluin Niê		1985	Ê Đê	Đắk Lắk	Kỹ sư nông nghiệp	Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Dân tộc, Tôn giáo và Hội quần chúng cơ quan Ủy ban MTTQ MTTQ Việt Nam tỉnh
29	Bùi Thị Kim Nga		1961	Kinh	Phú Thọ	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí

30	Phạm Thị Nga		1976	Kinh	Hưng Yên	Cử nhân Kế toán	Phó trưởng phòng Quản lý Giá và Công sản, Sở Tài chính tỉnh
31	Trần Duy Ngọc	1965		Kinh	Quảng Trị	Thạc sĩ Sinh học	Hiệu trưởng Trường PT dân tộc nội trú Phú Yên, Đăk Lăk
32	Võ Thị Ngọc		1983	Kinh	Nghệ An	Thạc sĩ Triết học	Hội Liên hiệp phụ nữ Đăk Lăk
33	Trần Thanh Nhân	1976		Kinh	Đăk Lăk	Cử nhân Luật; Cử nhân Chính trị	Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh
34	Trần Quốc Nhật	1984		Kinh	Hà Tĩnh	Cử Nhân Luật, Cử nhân Lịch sử Đảng cộng sản VN	Phó chánh văn phòng thường trực Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh
35	Trần Thị Phong		1966	Kinh	Hà Tĩnh	Cử nhân luật	Cán bộ hưu trí
36	Lê Minh Sơn		1985	Kinh	Hà Tĩnh	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng	Phó Chánh Văn phòng, Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh
37	Đào Hồng Sự	1980		Kinh	Đăk Lăk	Thạc sĩ quản trị kinh doanh	Phó trưởng ban trực Ban Tổ chức, Kiểm tra, Ủy ban MTTQ MTTQ Việt Nam tỉnh
38	Nguyễn Hữu Sừu	1977		Kinh	Đăk Lăk	Cử nhân Luật	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh
39	Y Lê Pas Tor	1986		Mnông	Đăk Lăk	Thạc sĩ Chính sách công; Kỹ sư Quản lý đất đai	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh đoàn; Trưởng Ban Công tác Đoàn và Thanh thiếu nhi, cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh
40	Võ Quang Tuyên	1956		Kinh	Quảng Trị	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
41	Đoàn Văn Thanh	1971		Kinh	Đà Nẵng	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Công chức -Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh
42	Nguyễn Hoàng Thành	1980		Kinh	Tp. Hà Nội	Thạc sĩ Triết học	Phó Trưởng Phòng Thông tin-Tổng hợp, Ban Tuyên giáo - Dân vận Tỉnh ủy
43	Phạm Thị Thêm		1979	Kinh	Hưng Yên	Cử nhân kinh tế	Phó trưởng ban Thường trực Ban công tác Nông dân tỉnh

44	Nguyễn Quang Thuận	1968		Kinh	Bắc Ninh	Cử nhân Luật	Phó Giám đốc - Sở Nội vụ tỉnh Đăk Lăk
45	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1981	Kinh	Tp. Hà Nội	Thạc sĩ Luật	Phó Chánh Văn phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đăk Lăk
46	Nguyễn Ngọc Uyên	1960		Kinh	Đăk Lăk	Kỹ sư nông nghiệp	Cán bộ hưu trí
47	Nguyễn Quốc Vũ	1980		Kinh	Quảng Ngãi	Thạc sĩ Luật	Công chức, Thanh tra tỉnh Đăk Lăk

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác hiện nay
		Nam	Nữ				
1	Đình Tuấn Anh	1969		Kinh	Ninh Bình	Th.S QLHC công	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
2	Nguyễn Thị Bạ		1960	Kinh	Hải Phòng	Trung cấp	Cán bộ hưu trí
3	Nguyễn Thị Bình		1956	Kinh	Nghệ An	Cử nhân Quản lý xã hội	Cán bộ hưu trí
4	H' Hương Bkrông		1990	Ê Đê	Đắk Lắk	Cử nhân Tiếng anh	Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam phường Ea Kao
5	Huỳnh Văn Bộ	1966		Kinh	Gia Lai	Cử nhân hành chính	Cán bộ hưu trí
6	Trần Văn Châu	1975		Kinh	Nghệ An	Cử nhân Luật	Trưởng Ban xây dựng Đảng phường Thành Nhất
7	Vi Thị Kiều Chi		1988	Tày	Lạng Sơn	Đại học Sư phạm sinh học	Chánh Văn phòng Đảng ủy phường Tân An
8	Văn Công Dần	1963		Kinh	Thừa Thiên Huế	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
9	Nguyễn Hoàng Diệu	1958		Kinh	Đà Nẵng	Đại học Kinh tế	Cán bộ hưu trí
10	Nguyễn Tiến Dũng	1957		Kinh	Quảng Trị	Đại học Chính trị	Cán bộ hưu trí
11	Đỗ Văn Dur	1966		Kinh	Ninh Bình	Cử nhân Kinh tế	Cán bộ hưu trí
12	Vũ Thị Dur		1966		Hưng Yên	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
13	Nguyễn Trinh Đạt	1971		Kinh	Hà Tĩnh	Đại học kế toán	Trưởng Ban xây dựng Đảng, Đảng ủy phường Buôn Ma Thuột
14	Tổng Thị Điệp		1963	Kinh	Hưng Yên	Đại học Nông nghiệp	Cán bộ hưu trí
15	Y Phong Êban	1985		Ê Đê	Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Phó Trưởng Ban xây dựng Đảng xã Hòa Phú

16	Hồ Xuân Giao	1957		Kinh	Quảng Ngãi	Cao đẳng sư phạm	Cán bộ hưu trí
17	Nguyễn Quang Giàu	1991		Kinh	Quảng Ngãi	Đại học Kế toán	Bí thư Đoàn thanh niên, Phó Chủ tịch UBMTTQ phường Thành Nhất
18	Trần Vũ Hà	1962		Kinh	Quảng Ngãi	Đại học Báo chí	Cán bộ hưu trí
19	Nguyễn Thị Thu Huyền		1986		Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế	Phó Trưởng Ban VHXH Hội đồng nhân dân phường BMT
20	Lê Thị Thanh Hương		1981	Kinh	Thanh Hóa	Cử nhân Xã hội học	Chủ tịch LHPN phường Tân An
21	Hồ Trung Kiên	1979		Kinh	Gia Lai	Đại học Luật	Trưởng phòng Văn hóa xã hội phường Buôn Ma Thuột
22	Trần Thị Liên		1962	Kinh	Thanh Hóa	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
23	Nguyễn Thị Loan		1966	Kinh	Hung Yên	Đại học kế toán	Cán bộ hưu trí
24	Nguyễn Phi Long	1980		Kinh		Đại học Luật	Phó Trưởng Ban dân chủ, giám sát và phân biện xã hội UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk
25	Nguyễn Hữu Long	1958		Kinh	Gia Lai	Đại học Sư phạm	Cán bộ hưu trí
26	Vũ Duy Luận	1962		Kinh	Ninh Bình	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
27	Phan Đức Lý	1959		Kinh	Đà Nẵng	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
28	Trương Vĩnh Mai	1958		Kinh	Đắk Lắk	Cử nhân Quản lý xã hội	Cán bộ hưu trí
29	Nguyễn Văn Minh	1965		Kinh		Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
30	H' Vi Na		1992	Ê Đê	Đắk Lắk	Cử nhân Luật, Quản lý kinh tế	Phó Bí thư Đoàn thanh niên phường Tân Lập
31	Võ Ngọc Nam	1983		Kinh	Quảng Ngãi	Đại học Sư phạm, Thạc sỹ Toán	Hiệu trưởng Trường THCS Phan Chu Trinh, phường BMT
32	H' Vương Niê		1987		Đắk Lắk	Đại học Nông nghiệp	Phó Trưởng Ban xây dựng Đảng, Đảng ủy phường Tân Lập

33	Nguyễn Thị Thúy Nga		1977	Kinh	Đà Nẵng	Đại học Sư phạm	Hiệu trưởng Trường THCS Đào Duy Từ, phường Thành Nhất
34	Trần Văn Nghị	1960		Kinh	Nghệ An	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
35	Phạm Thị Tuyết Nhung		1960	Kinh	Ninh Bình	Cử nhân Kinh tế	Cán bộ hưu trí
36	Nguyễn Thị Tú Oanh		1960	Kinh	Hà Tĩnh	Đại học Sư phạm	Cán bộ hưu trí
37	Nguyễn Văn Quang	1980		Kinh	Ninh Bình	Kỹ sư nông nghiệp	Ủy viên UBKT Đảng ủy phường Tân Lập
38	Nguyễn Thị Tạc		1960	Kinh	Hưng Yên	Đại học Sư phạm	Cán bộ hưu trí
39	Lê Văn Tập	1957		Kinh	Gia Lai	Cử nhân Quản lý xã hội	Cán bộ hưu trí
40	Nguyễn Lập Tiến	1957		Kinh	Ninh Bình	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
41	Nguyễn Công Tinh	1961		Kinh	Hà Tĩnh	Đào tạo Sỹ quan Biên phòng	Cán bộ hưu trí
42	Lê Thị Thanh		1981		Thanh Hóa	Đại học Luật	Phó Chủ tịch HĐND phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk
43	Trần Hương Thanh	1974		Kinh	Đà Nẵng	Đại học Luật, Thạc sỹ quản lý hành chính công	Phó Trưởng Ban xây dựng Đảng phường Thành Nhất
44	Bùi Thị Phương Thảo		1981	Kinh	Quảng Ngãi	Cử nhân Luật	Trưởng phòng Văn hóa xã hội phường Tân An
45	Bùi Ngọc Thảo	1967		Kinh	Đà Nẵng	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
46	Đoàn Văn Thống	1962		Kinh	Gia Lai	Đại học Luật Ngữ Văn	Cán bộ hưu trí
47	Lê Hữu Thống	1963		Kinh	Thanh Hóa	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
48	Hoàng Việt Thống	1960		Kinh	Thanh Hóa	Đại học Xây dựng Đảng	Cán bộ hưu trí
49	Cao Đức Thuận	1978		Kinh	Thanh Hóa	Đại học Luật	Ủy viên UBKT Đảng ủy xã Hòa Phú

50	Lê Thị Anh Trâm		1993	Kinh	Khánh Hòa	Học viện hành chính Quốc gia, Thạc sỹ QLHCC	Bí thư Đoàn thanh niên, Phó Chủ tịch UBMTTQ phường BMT
51	Dương Thanh Trung	1970		Kinh	Đà Nẵng	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
52	Lê Đình Trung	1964		Kinh	Nghệ An	Kỹ sư Nông nghiệp	Cán bộ hưu trí
53	Nguyễn Thị Ngọc Vân		1977	Kinh	Thừa Thiên Huế	Đại học Luật	Ủy viên UBKT Đảng ủy phường Thành Nhất
54	Lê Thị Vinh		1961	Kinh	Đắk Lắk	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí

**Phụ lục III**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác
		Nam	Nữ				
1	Lò Thị Bích		1992	Thái	Xã Thắng Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Cử nhân Luật	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Ea Bung
2	Nguyễn Cao Cường	1980		Kinh	Xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh	Cử nhân Nông lâm	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Ea Wer
3	Đoàn Thị Mỹ Châu		1988	Kinh	Xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long	ĐH Luật	Chuyên viên Trung tâm hành chính công xã Ia Rvê
4	Bùi Thị Kim Dung		1970	Kinh	Xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An	ĐH Sư phạm tiểu học	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, xã Ea Bung
5	Phan Bá Duy	1965		Kinh	Xã Tân Châu, tỉnh Nghệ An	ĐH Công đoàn	Cán bộ hưu trí
6	Nguyễn Lam Điền	1965		Kinh	Xã Hải An, tỉnh Ninh Bình	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
7	Phương Khánh Giang	1979		Tày	Xã Hòa An, tỉnh Cao Bằng	THS Quản lý công	Phó Chủ tịch UBND xã Ia Rvê
8	Nguyễn Thị Hải		1985	Kinh	Xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An	Đại học Mỹ thuật	Phó Chủ tịch MTTQ xã, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Ea Rók
9	Lương Minh Hải	1975		Tày	Xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng	Đại học sư phạm	Hiệu trưởng Trường TH Lê Hồng Phong, xã Ea Rók
10	Lưu Thị Hằng		1984	Kinh	Xã Quỳnh An, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân Luật	Chuyên viên Văn phòng Đảng ủy xã Buôn Đôn
11	H'Mi Hmok		1986	Ê đê	Xã Ea Nuôl, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã, Chủ tịch Hội LHPN xã Ea Nuôl
12	Bành Đức Hoàng	1985		Kinh	Xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An	ĐH Tin học; ĐH QLNN	Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên xã Ea Súp

13	Triệu Thị Mộng Huyền		1991	Tày	Xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng	ĐH QLNN	Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã - Bí thư Đoàn TN xã Buôn Đôn
14	Y Sen Kbuôr	1974		Ê đê	Xã Ea Nuôl, tỉnh Đắk Lắk	CN quản lý XH và văn hóa	Chủ tịch UBMTTQ xã Ea Nuôl
15	Nay Thit Nhi Kđoh	1994		Ê đê	Xã Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	ĐH QLHCNN	PCT UBMTTQ Việt Nam xã - Bí thư Đoàn TN xã Ea Nuôl
16	Hoàng A Nam	1994		Mông	Xã SiMaCai tỉnh Lào Cai	Đại học công tác XH	Phó Chủ tịch MTTQ xã, Bí thư đoàn TN xã Ea Rôk
17	Vũ Đức Năm	1977		Kinh	Phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	ĐH Y tế công cộng	Trưởng khoa YTCC-DD-ATTP
18	Bùi Việt Nga		1976	Kinh	Xã Xuân Lâm, tỉnh Nghệ An	ĐH Sư phạm tiểu học	Phó Hiệu trưởng Trường tiểu học Lê Hồng Phong, xã Ea Rôk
19	Dương Thị Ngọc		1987	Kinh	Phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng	Cử nhân ngữ văn	Phó Giám đốc Trung tâm hành chính công, UBND xã Ea Bung
20	Phan Thị Nhù		1985	Kinh	Xã An Định, tỉnh Vĩnh Long	ĐH kế toán	Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã, Chủ tịch Hội LHPN xã Ia Rvê
21	Nguyễn Ngọc Phú	1967		Kinh	Xã Thụ Vũ, tỉnh Hưng Yên	ĐH Nông nghiệp	Cán bộ hưu trí
22	Buôn Krông Duy Phú	1982		Ê đê	Xã Ea Na, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật	Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã Buôn Đôn
23	Lê Đình Quý	1983		Kinh	Xã Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	ĐH sư phạm	Trưởng phòng VH xã Ia Rvê
24	Lang Thị Sơn		1984	Thái	Xã Văn Mọt, tỉnh Thanh Hóa	ĐH sư phạm ngữ văn	Chủ tịch MTTQ Việt Nam xã Ia Lốp
25	Đặng Văn Tinh	1994		Kinh	Xã Bạc Hà, tỉnh Nghệ An	Đại học QLNN	Đảng ủy viên; PCTMT; Bí thư Đoàn xã Ea Súp
26	Phạm Duy Tinh	1978		Kinh	Xã Tân Thuận, tỉnh Hưng Yên	ĐH Sư phạm	Hiệu trưởng - trường THCS Trần Hưng Đạo, xã Ia Lốp
27	Phan Minh Tuấn	1983		Kinh	Xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai	THs quản lý công	Trưởng phòng kinh tế xã Buôn Đôn

28	Ngân Văn Thành	1993		Thái	Xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa	ĐH QLNN	Bí thư Đoàn Thanh niên xã Ia Lốp
29	Lê Trọng Thảo	1963		Kinh	Xã Lâm Phong, tỉnh Quảng Ngãi	ĐH Quản lý giáo dục	Cán bộ hưu trí
30	Trần Thị Thúy		1990	Kinh	Xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh	THs Quản lý công	PGĐ Trung tâm Chính trị xã Ea Súp

**Phụ lục IV**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn
		Nam	Nữ			
1	Nguyễn Thị Thu Ba		1982	Kinh	Thăng Trường, TP Đà Nẵng	Cử nhân Xã hội học
2	Nguyễn Thị Hoài Bảo		1972	Kinh	Phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai	Đại học sư phạm, Cử nhân Luật
3	H Nel Êban		1983	Ê Đê	Xã Cuôr Đăng, Đắk Lắk	Đại học Hành chính
4	Nguyễn Ngọc Giao	1966		Kinh	Xã Khánh Thiện, tỉnh Ninh Bình	Cử nhân kinh tế
5	Bùi Thị Hà		1972	Kinh	Xã Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Cử nhân Luật
6	Phạm Đức Hạnh	1969		Kinh	Xã Thăng Trường, thành phố Đà Nẵng	Cử nhân khoa học lịch sử
7	Lê Thị Thu Hiền		1987	Kinh	Xã Hương Bình - Tỉnh Hà Tĩnh	Thạc sỹ Quản lý công
8	Thái Thị Anh Hòa		1974	Kinh	Xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Đại học hành chính
9	Lục Thị Huệ		1978	Tày	xã Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Cử nhân Luật
10	Hà Thị Hương		1965	Kinh	Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đại học hành chính
11	H Thing Niê Kđăm		1991	Ê Đê	Xã Ea M'Droh, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật, Cử nhân tài chính
12	Nguyễn Đăng Lân	1966		Kinh	Xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng	Kỹ sư lâm nghiệp
13	Trần Thị Loan		1966	Kinh	Xã Thu Bồn, thành Phố Đà Nẵng	Cử nhân Luật
14	Lê Xuân Luyện	1977		Kinh	Xã Bình Phú, tỉnh Phú Thọ	Thạc sĩ Quản lý

15	Huỳnh Xuân Mai	1970		Kinh	Thành phố Huế	Đại học Hành Chính Công
16	Trương Minh Mẫn	1963		Kinh	Xã Thu Bồn, TP. Đà Nẵng	Cử nhân Luật
17	Y Tha Mlô	1962		Ê Đê	Xã Ea Khal, tỉnh Đắk Lắk	Sơ cấp cơ khí
18	Y Dhuãn Mlô	1985		Ê Đê	Xã Ea Tul, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật
19	H' Nuer Niê		1982	Ê Đê	Xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước
20	H Lum Niê		1975	Ê Đê	Xã M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk	Đại học sư phạm Ngữ văn
21	Bùi Trọng Nghĩa	1971		Kinh	Xã Thăng Trường, TP. Đà Nẵng	Cử nhân luật
22	Lê Ngọc Nghĩa	1980		Kinh	Xã Lưu vệ, tỉnh Thanh hoá	Đại học Sư phạm
23	Nguyễn Hữu Nhất	1981		Kinh	Xã Ân Tường, tỉnh Gia Lai	Thạc sĩ Luật
24	Phan Bá Sáu	1972		Kinh	Xã Thuần Trung, tỉnh Nghệ An	Đại học QL nhà nước
25	Nguyễn Đình Tô	1966		Kinh	Xã Thu Bồn, thành phố Đà Nẵng	Cử nhân Luật
26	Phạm Văn Thanh	1967		Kinh	Phường Hương Thủy, Thành Phố Huế	Đại học Y khoa, Cử nhân Luật
27	Hoàng Duy Thanh	1965		Kinh	Xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hoá	Cử nhân luật
28	Trần Thị Minh Thành		1982	Kinh	Phường Ngũ Hành Sơn - TP Đà nẵng	Cử nhân Triết học
29	Trần Thị Thanh Thâm		1977	Kinh	Xã Đức Đồng, tỉnh Hà Tĩnh	Cử nhân Giáo dục tiểu học
30	Nguyễn Thị Hồng Thủy		1982	Kinh	Phường Bình Kiên, tỉnh Đắk Lắk	Đại học Kế toán

**Phụ lục V**

**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác
		Nam	Nữ				
1	H Hin Adrong		1990	Ê Đê	Xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk	Trung cấp y sĩ Đa khoa	Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn Phước An 3, xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
2	Lý Viết Chấn	1965		Nùng	Xã Đình Phong, tỉnh Cao Bằng	Trung cấp y sĩ Đắk Lắk	Cán bộ hưu trí
3	Y Niêm Êban	1977		Ê Đê	xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk	Đại học Nông lâm	Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã Krông Pắc.
4	Nguyễn Văn Hà	1970		Kinh	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Cán bộ hưu trí
5	Nguyễn Xuân Hải	1983		Kinh	Xã Phú Vang, thành phố Huế	Cử nhân Luật	Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã Krông Pắc.
6	Nguyễn Văn Hải	1977		Kinh	Phường Bồng Sơn, Gia Lai	Chủ doanh nghiệp	Chủ Doanh nghiệp TNHH MTV Kiều Mai.
7	Lê Thị Thu Hiền		1969	Kinh	Xã An Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học Quản trị kinh doanh	Phó giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ, sự nghiệp công xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
8	Trần Thị Mai Hương		1978	Kinh	Thôn Phú Đa, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa	Đại học sư phạm tiểu học	Hiệu trưởng trường tiểu học Ngô Quyền.
9	Hoàng Thị Hường		1978	Kinh	Xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An	Đại học Việt Nam học	PCT thường trực Ủy ban MTTQ xã Ea Phê, Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk.
10	Nguyễn Thị Lan		1968	Kinh	xã Vĩnh Quang, tỉnh Gia Lai	Cử nhân xã hội học	Cán bộ hưu trí
11	Mó Măng		1980	Bru- Vân Kiều	Xã Ba Tầng, tỉnh Quảng Trị	Đại học quản lý kinh tế	Cán bộ hưu trí
12	Phạm Xuân Mỹ	1962		Kinh	Xã Gia Hanh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học sư phạm	Cán bộ hưu trí

13	Phan Xuân Ngọc	1976		Kinh	Xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học sư phạm	Hiệu trưởng Trường TH & THCS Lê Văn Tám.
14	Trần Thị Mỹ Nhung		1976	Kinh	Phường Bình Định, Gia Lai	Cử nhân ngành Luật	Phó chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã kiêm Chủ tịch hội nông dân xã Krông Pắc.
15	Phan Thị Nường		1983	Kinh	Phường Hồng Châu, tỉnh Hưng Yên	Đại học quản trị kinh doanh	Phó chánh văn phòng HĐND-UBND xã Krông Pắc.
16	Trịnh Thị Oanh		1962	Kinh	Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	Cao đẳng sư phạm	Cán bộ hưu trí
17	Triệu Trần Pháp	1988		Nùng	Xã Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Cư nhân Luật	Cán bộ Ban xây dựng Đảng Đảng ủy xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk, chi bộ thôn 7B, xã Ea Phê.
18	Trần Cẩm Phú		1993	Kinh	Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Giám đốc trung tâm tiếng anh CEL.
19	Nguyễn Thị Mai Phương		1972	Kinh	Xã Việt Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Thạc sĩ quản lý giáo dục	P. Hiệu Trưởng Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm.
20	Phan Kim Phượng		1982	Kinh	xã Thạch Sen, tỉnh Hà Tĩnh	Thạc sĩ quản lý giáo dục	Hiệu trưởng Trường THPT số 1 Nguyễn Thị Minh Khai.
21	Nguyễn Ngọc Tú	1981		Kinh	Xã Thăng An, thành phố Đà Nẵng	Cử nhân Luật	Chuyên viên phòng văn hóa xã hội UBND xã Tân Tiến.
22	Nguyễn Thị Tú		1962	Kinh	Xã Thiên Nhân, tin Nghệ An	Cử nhân kinh tế	Cán bộ hưu trí
23	Nguyễn Thị Tuyền		1988	Kinh	Xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình	Cử nhân giáo dục tiểu học	Trưởng ban MTTQ Thôn Phước An 3, xã Krông Pắc.
24	Hồ Thành	1969		Kinh	Phường Võ Dạ, TP Huế	Đại học sư phạm Tiếng Anh	Hiệu phó Trường THCS Phước An, xã Krông Pắc.
25	Phạm Thị Thương		1985	Kinh	Xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An	Đại học sư phạm Âm nhạc	Giáo viên Trường TH Chu Văn An.
26	Trần Kim Uyên		1979	Kinh	Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	Thạc sĩ quản lý giáo dục	Phó giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên Krông Pắc.

27	Ngô Thị Thu Vân		1986	Kinh	Xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng	Thạc sĩ Chính sách Công	Chuyên viên văn phòng đảng ủy xã Ea Knuéc.
28	Trần Thị Thúy Vi		1988	Kinh	Xã Thăng An, thành phố Đà Nẵng	Cao đẳng Điều dưỡng	Cán bộ trạm y tế xã Krông Pắc.
29	Lê Thị Việt		1974	Kinh	Xã Hoàng Thanh, tỉnh Thanh Hóa	Thạc sỹ quản lý giáo dục	Hiệu trưởng trường tiểu học Nơ Trang Long.
30	Phạm Xuân Vinh	1963		Kinh	phường Sông cầu, Đắk Lắk	Đại học Sư- Chính trị	Cán bộ hưu trí

**Phụ lục VI**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác
		Nam	Nữ				
1	Trần Thị Kim Anh		12/4/1963	Kinh	Xã Tư Mỹ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Luật	Hưu trí (Phó Chánh án TAND huyện Krông Ana)
2	Trần Văn Cường	31/7/1976		Kinh	Xã Minh Châu, tỉnh Nghệ An	Đại học QTKD	Phó trưởng ban xây dựng đảng xã Ea Ktur
3	Nguyễn Văn Dũng	1/1/1979		Kinh	Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên	Đại học luật	Chuyên viên VP.HĐND-UBND (phụ trách lĩnh vực tư pháp) xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk
4	Trần Quang Đạt	10/8/1978		Kinh	Xã Gia Hanh, tỉnh Hà Tĩnh	Thạc sỹ quản lý giáo dục	Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Trãi, xã Ea Na
5	Nguyễn Khắc Đôn	15/01/1992		Kinh	Xã Nam Danh, tỉnh Quảng Trị	ĐH Luật	Phó Bí thư Đoàn xã Ea Ning
6	Y Pép Êban	1/5/1969		Ê đê	Xã Ea Na, tỉnh Đắk Lắk	ĐH tài chính ngân hàng	Hưu trí (Phó chủ tịch UB MTTQ Huyện Cư Kuin)
7	Y Tam Êban	28/8/1964		Ê đê	Xã Dur Kmāl, tỉnh Đắk Lắk	ĐH Y Khoa	Hưu trí (Chủ tịch hội nông dân huyện Krông Ana)
8	Nay H' Úy		04/09/1979	Ê đê	Xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk	ĐH Luật	PCT Thường trực MTTQ xã, CT Hội LHPN xã Ea Na
9	Nguyễn Văn Hiếu	3/12/1989		Kinh	Phường Trà Câu, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học	Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy xã Dray Bhang
10	Nguyễn Quang Hoàng	2/3/1957		Kinh	Xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên	Đại học Luật	Hưu trí (Trưởng phòng Tư pháp)

11	Nguyễn Hữu Hoàng	08/01/1994		Kinh	Xã A Sào, tỉnh Hưng Yên	ĐH Luật	Phó CT Ủy ban MTTQ VN xã, Bí thư đoàn TN xã Dray Bhang
12	Nguyễn Hồng Khanh	3/5/1962		Kinh	xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa	Trung cấp QLHC	Chủ tịch hội người cao tuổi Xã Dray Bhang, tỉnh Đăk Lăk
13	Nguyễn Quý Ngọc Linh	03/11/1996		Kinh	Xã Quỳnh An, tỉnh Hưng Yên	ĐH Luật	PCT UB MTTQ VN, Bí thư đoàn xã Dur Kmăl
14	Hoàng Năng Long	25/9/1961		Kinh	Xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An	ĐH Sư phạm	Hưu trí (nguyên Hiệu trưởng trường THCS 19/8)
15	Nguyễn Văn Lữ	21/9/1974		Kinh	Xã Thụ Vũ, tỉnh Hưng Yên	Đại học sư phạm; Thạc sĩ Khoa học quản lý	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND xã Krông Ana
16	Lê Thị Nam		18/10/1960	Kinh	Quảng Ngãi	ĐH kinh tế	Hưu trí (Trưởng phòng KHĐT Cty TNHH cà phê Ea Ktur)
17	H'Gun Niê		26/01/1983	Ê đê	Xã Ea Na, tỉnh Đăk Lăk	ĐH Hành chính học	Phó chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, UV BCH Đảng bộ xã Ea Na
18	Nguyễn Minh Nguyệt	12/02/1980		Mường	Xã Phú Sơn, tỉnh Ninh Bình	Cử nhân hành chính	Phó CVP HĐND UBND xã Krông Ana
19	Bùi Viết Quý	02/4/1976		Kinh	Xã Đức Quang, tỉnh Hà Tĩnh	ĐH Luật	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Ea Na
20	Lưu Thị Sâm		27/12/1968	Kinh	Xã Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	ĐH sư phạm	Hưu trí (Nguyên hiệu trưởng trường mầm non Hoa Phượng)
21	Huỳnh Tấn Sinh	03/6/1957		Kinh	Xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng	ĐH Luật	Hưu trí (HUV, Phó ban dân vận Huyện ủy)
22	Đặng Văn Sơn	09/01/1979		Kinh	Xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh	ĐH Sư phạm	Phó hiệu trưởng trường THCS Lê Văn Tám, Xã Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk
23	Phạm Hồng Sơn	21/6/1974		H Rê	Xã Sơn Linh, tỉnh Quảng Ngãi	ĐH Luật	Phó Chánh văn phòng UBND xã Ea Na

24	Vũ Duy Tấn	22/3/1964		Kinh	Xã Tân Thuận, tỉnh Hưng Yên	ĐH Luật	Hưu trí (Bí thư đảng ủy xã Dray Bằng)
25	Nguyễn Lưu Tuệ	03/02/1974		Kinh	Xã Lam Thành, tỉnh Nghệ An	ĐH Luật	Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Ea Ktur
26	Nguyễn Xuân Thảo	16/4/1974		Kinh	Phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	ĐH Luật	UV BTV Đảng ủy xã, Chủ tịch UB MTTQ xã Ea Na
27	Lê Vũ Thắng	16/6/1994		Kinh	Xã Thăng An, TP Đà Nẵng	ĐH Hành chính	Phó bí thư Đoàn thanh niên xã
28	Phan Thị Thiện		17/8/1958	Kinh	Xã Thạch Khê, tỉnh Hà Tĩnh	CĐ Sư phạm	Hưu trí (Giáo viên)
29	Hoàng Thị Trang		13/8/1988	Kinh	Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên	ĐH kế toán	NHĐKCT Hội LHPN xã Dray Bằng
30	Phạm Thị Hồng Trung		10/4/1995	Kinh	Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An	Đại học Triết học	ĐUV, Phó Chủ tịch MTTQ Xã, Bí thư Đoàn Thanh niên xã Ea Ktur

**Phụ lục VII**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮC LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn
		Nam	Nữ			
1	H Loan B đáp		1981	M'ông	Đắk Lắk	Đại học Văn Hóa
2	Nguyễn Thị Bích		1975	Kinh	Nghệ An	ĐH QL đất đai
3	Mai Đình Bình	1980		Kinh	Hưng Yên	Đại học sư phạm
4	H Nga Byă		1974	M'ông	Đắk Lắk	Cử nhân xã hội học
5	Trương Thị Lệ Chi		1960	Kinh	Đà Nẵng	CĐSP mầm non
6	Trần Văn Chiu	1964		Kinh	Hưng Yên	Đại học
7	Nguyễn Xuân Dũng	1958		Kinh	Hưng Yên	Đại học
8	Y Lợi Êban	1979		M'ông	Đắk Lắk	Cử nhân xã hội học
9	Y Khương Hlong	1983		M'ông	Đắk Lắk	ĐH QL nhà nước
10	Lê Thị Hoa		1983	Kinh	Nghệ An	ĐH cử nhân điều dưỡng
11	Ma Văn Hoàn	1969		Tày	Thái Nguyên	Đại học
12	Hà Thị Huyền		1980	Mường	Thanh Hóa	ĐH KT Nông Lâm
13	Y Nguyên Kbuôr	1995		M'ông	Đắk Lắk	Đại học Luật
14	Trương Sơn Lạng	1973		Kinh	Ninh Bình	ĐH SP Ngữ văn
18	Đình Trần Thị Bích Nga		1976	Kinh	Đà Nẵng	Đại học Luật

19	Lê Thị Nga		1959	Kinh	Đà Nẵng	Đại học Luật
20	Nguyễn Văn Ngọc	1970		Kinh	Hưng Yên	ĐH SP GDCT
21	Lê Đình Nhi	1964		Kinh	Gia Lai	ĐH Văn Hóa
22	Phan Xuân Phong	1976		Kinh	Đà Nẵng	Cử nhân sư phạm
23	Hoàng Ngọc Quỳnh		1987	Tày	Lào Cai	ĐH GD chính trị
24	Trần Xuân Thành	1976		Kinh	Ninh Bình	Đại học Hành chính
25	Hoàng Thị Thắm		1989	Kinh	Hưng Yên	Đại học sư phạm
26	Hà Thị Thủy		1973	Kinh	Thanh Hóa	Đại học Luật
27	H Loan Ưông		1975	M'ông	Đắk Lắk	ĐH KT Nông nghiệp
28	Lê Thị Ước		1975	Kinh	TT Huế	Đại học sư phạm
29	Nguyễn Thị Việt		1975	Kinh	Nghệ An	Đại học Luật
30	Nguyễn Thị Vui		1972	Kinh	Hưng Yên	ĐH Kinh tế

**Phụ lục VIII**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác
		Nam	Nữ				
1	Hoàng Duy Am	1971		Kinh	xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân báo chí	Cán bộ hưu trí
2	Nguyễn Hải Bình	1971		Kinh	xã Xuân An, tỉnh Gia Lai	Cử nhân Báo chí; cử nhân tổ chức	UV BTV-CN UBKT xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk
3	Y Yáo Bkrông	1959		Ê đê	xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	Trung cấp Công an; trung cấp quân sự	Cán bộ hưu trí
4	Lê Đình Chiến	1966		Kinh	Xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
5	Nguyễn Ngọc Duẩn	1964		Kinh	xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên	Kỹ sư QL đất đai	CB hưu trí
6	Nông Anh Dũng	1983		Tày	xã Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Đại học địa lý du lịch	Phó BT thường trực Đảng ủy xã Cư Prao, tỉnh Đắk Lắk
7	Phạm Thị Thu Dương		1967	Kinh	xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị	Cử nhân kinh tế	Cán bộ hưu trí
8	Vũ Thị Thanh Giang		1975	Kinh	xã Tứ Kỳ, Thành phố Hải Phòng	ĐH Sư phạm ngoại ngữ	UV.BTV Đảng ủy- Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã Ea Knốp, Đắk Lắk
9	Nguyễn Văn Giang	1960		Kinh	xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
10	Giang Mạnh Hào	1971		Kinh	phường Lê Ích Mộc, Tp Hải Phòng	Cử nhân kinh tế	Cán bộ hưu trí
11	Hòa Thị Hằng		1977	Kinh	xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên	ĐH kế toán, Thạc sĩ quản lý công	BT Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Ea Trang, tỉnh Đắk Lắk

12	Đặng Thị Bích Hồng		1977	Kinh	Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân Luật	Ủy viên ban thường vụ. Chủ tịch UB.MTTQ VN xã Cư M'ta, tỉnh Đắk Lắk
13	Nguyễn Thế Hùng	1964		Kinh	xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
14	Nguyễn Văn Hương	1958		Kinh	xã Kỳ Hoa, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Quân sự	Cán bộ hưu trí
15	Hoàng Thị Thu Hương		1985	Tày	Xã trùng khánh, tỉnh Cao Bằng	ĐH xây dựng Đảng và quản lý Nhà nước	Phó CT hội liên hiệp phụ nữ xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk
16	Vũ Văn Kim	1966		Kinh	Xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hoá	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
17	Nguyễn Trọng Khánh	1966		Kinh	xã Đức Thịnh, tỉnh Hà Tĩnh	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
18	Nguyễn Đăng Khoa	1963		Kinh	xã Đức Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
19	Y TLam Niê	1988		Ê đê	Ea Kar, Đắk Lắk	ĐH Luật	Phó Chủ tịch UBMTTQ VN xã Ea Kar- Chủ tịch hội CCB xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk
20	Nguyễn Thị Phương		1986	Kinh	xã Yên Trung, tỉnh Bắc Ninh	Cử nhân Luật	Phó CT hội liên hiệp phụ nữ xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk
21	Nguyễn Xuân Sơn	1992		Kinh	xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	Đại học xây dựng Đảng chính quyền nhà nước	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam - BT Đoàn Thanh niên xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk
22	Nguyễn Thị Diệp Sương		1987	Kinh	xã Toàn Lưu, tỉnh Hà Tĩnh	Thạc sĩ vật lý	Giáo viên - Phó BT đoàn Trường THPT Trần Quốc Toản, xã Ea Knốp, Đắk Lắk
23	Nguyễn Văn Tám	1964		Kinh	xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
24	Nguyễn Thị Tuyết		1960	Kinh	xã Quảng Châu, tỉnh Nghệ An	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
25	Nguyễn Đình Thanh	1960		Kinh	xã Thăng An, Tp Đà Nẵng	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí

26	Phạm Ngọc Thành	1992		Kinh	Xã Đồng Bằng, tỉnh Hưng Yên	Cử nhân Luật	ĐUV- Phó Chủ tịch TT Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Bí thư Đoàn xã Ea Kar, Đắk Lắk
27	Bùi Thị Thêm		1966	Kinh	Xã Thụ Vũ, Tỉnh Hưng Yên	Đại học sư phạm	Cán bộ hưu trí
28	Nguyễn Xuân Trường	1964		Kinh	Hưng Nguyên Nam, Nghệ An	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
29	Phan Thị Vân		1976	Kinh	xã Thanh Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Cử nhân sư phạm	Hiệu trưởng Trường tiểu học Trần Văn Ôn, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk
30	Đào Thị Mỹ Xoan		1974	Kinh	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	ĐH Sư phạm	Hiệu trưởng trường Mạc Thị Bưởi xã EaKar, tỉnh Đắk Lắk

**Phụ lục IX**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác
		Nam	Nữ				
1	Nguyễn Tự Cường	1972		Kinh	Gia Lai	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Hiệu trưởng THPT Hai Bà Trưng
2	Lê Thị Thúy Diễm		1975	Kinh	Quảng Ngãi	Cử nhân kinh tế	MTTQ xã Cư Pong
3	Lê Thanh Duẩn		1986	Kinh	Thanh Hóa	Cử nhân kinh tế	CT Hội liên hiệp phụ nữ xã Cư Pong
4	Đoàn Văn Dũng	1972		Kinh	Gia Lai	Cử nhân Luật	Chủ nhiệm UBKT phường Cư bao
5	Lâm Tấn Đạt	1962		Kinh	Quảng Ngãi	Trung cấp pháp lý	Tổ trưởng TDP An Lạc 6, phường Buôn Hồ
6	Nguyễn Văn Đăng	1987		Kinh	Tp. Hà Nội	Cử nhân	Trưởng ban xây dựng đảng phường Cư Bao
7	Nguyễn PhiĐình	1973		Kinh	Quảng Ngãi	Thạc sĩ Ngôn ngữ anh	Trưởng phòng VH-XH xã EaDrông
8	Y Dhiều Hmok	1965		Mnông	Đắk Lắk	Cử nhân hành chính	Hưu Trí
9	Nguyễn Ngọc Kiều Hoa		1993	Kinh	Quảng Trị	Thạc sĩ Lịch sử thế giới	PCT MTTQ - Bí thư đoàn phường Cư Bao
10	Hoàng Thị Thu Hoài		1978	Kinh	Nghệ An	Thạc sỹ Y Tế Công Cộng	Trạm y tế xã Pong Drang
11	Hứa Quang Hồng	1968		Nùng	Lạng Sơn	Cử nhân Luật	Hưu Trí
12	Nguyễn Phi Hùng	1991		Kinh	Hà Tĩnh	Thạc sỹ Chính sách công	PCT MTTQ - Bí thư Đoàn phường Buôn Hồ
13	Vũ Văn Hùng	1991		Kinh	Nghệ An	Cử nhân Chính trị Luật	PCT MTTQ - Bí thư đoàn phường Pong Drang
14	Y Khiêm Niê Kđăm	1974		Êđê	Đắk Lắk	Cử nhân Luật	CT MTTQ xã EaDrông

15	Y Kim Kiên	1963		Êđê	Đắk Lắk	Cử nhân sư phạm	Hưu Trí
16	Hoàng Thị Minh		1983	Kinh	Nghệ An	Cử nhân ngữ văn	Phó CT Hội liên hiệp phụ nữ xã Pong Drang
17	H Moan Mlô		1981	Êđê	Đắk Lắk	Cử nhân kinh tế	Phó trưởng ban xây dựng Đảng - Đảng ủy xã Ea Drông
18	Y Ly Mlô	1973		Êđê	Đắk Lắk	Cử nhân ngành Công tác xã hội	Chủ tịch Ủy ban MTTQ VN xã Krông Búk
19	H Nguốp Niê		1986	Kinh	Đắk Lắk	Cử nhân hành chính học	Chủ tịch Ủy ban MTTQ VN phường, Bí thư đoàn phường Pong Drang
20	Phạm Thành Ngọc	1962		Kinh	Hưng Yên	Cử nhân SP Ngữ Văn	Hưu Trí
21	Nguyễn Đình Quang	1967		Kinh	Gia Lai	Cử nhân luật	Hưu Trí
22	Phạm Thị Quyên		1979	Kinh	Hưng Yên	Cử nhân Luật	Chủ tịch Hội phụ nữ phường Buôn Hồ
23	Trương Đình Ry	1965		Kinh	Quảng Ngãi	Cử nhân Luật	Hưu Trí
24	Nguyễn Thị Tươi		1987	Kinh	Hưng Yên	Thạc sỹ Quản lý công	Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Krông Búk
25	Vy Đức Thắng	1989		Tày	Thái Nguyên	Cử nhân luật	Bí thư đoàn xã Cư Pong
26	Liêu Văn Thế	1987		Kinh	Cao Bằng	Cử nhân luật - Cao đẳng sư phạm	Bí thư đoàn xã Krông Búk
27	Nguyễn Ngọc Thọ	1966		Kinh	Nghệ An	Cử nhân nông nghiệp	Hưu Trí
28	Nguyễn Văn Thúc	1963		Kinh	Tp. Hà Nội	Thạc sỹ Giáo dục	Hưu Trí
29	Trần Thị Diễm Uyên		1977	Kinh	Gia Lai	Thạc sỹ Ngôn ngữ và Văn hóa	Giáo viên THPT
30	Ngô Trung Vinh	1981		Kinh	Quảng Ngãi	Thạc sỹ Quản lý công	Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã Cư Pong

**Phụ lục X**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác hiện nay
		Nam	Nữ				
1	Y Manh Adrong	1957		Ê Đê	Xã Ea Khăl, Đắk Lắk	Trung cấp quản lý nhà nước	Cán bộ hưu trí
2	Ksor AfLai	1986		Ja rai	Xã Ea Hiao, Đắk Lắk	Kỹ sư trồng trọt	Chuyên viên Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã Ea Hiao
3	H'Uyên Ayun		1982	Ê Đê	Xã Ea Drăng, Đắk Lắk	Cử nhân Giáo dục chính trị	Chuyên viên ban văn hóa xã hội HĐND xã Ea Drăng
4	Nguyễn Thị Diễm		1989	Tày	Xã Ngân Sơn, Thái Nguyên	Đại học sư phạm Toán	Phó hiệu trưởng trường DTNT Ea H'leo
5	Bùi Anh Dũng	1966		Kinh	Xã Trường Ninh, Quảng Trị	Thạc sĩ Luật học	Cán bộ hưu trí
6	Trần Tiến Dũng	1978		Kinh	Xã Vũ Tiên, Hưng Yên	Cử nhân Luật	Phó CT HĐND xã Ea H'Leo
7	Nguyễn Văn Độ	1959		Kinh	Xã Vĩnh Linh, Quảng Trị	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
8	Y Bliu Êban	1977		Ê Đê	Xã Ea Khăl, Đắk Lắk	Đại học Kinh tế	Phó Chủ tịch MTTQVN kiêm chủ tịch HĐND xã Ea Khăl
9	Đình Võ Giang	1991		Kinh	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh	Đại học quản lý nhà nước	Phó CT MTTQVN kiêm bí thư chi đoàn xã Ea wy
10	Vương Thái Hạnh		1979	Tày	Xã Bản Máy, Tuyên Quang	Đại học quản lý nhà nước	Chủ tịch hội phụ nữ xã Ea Hiao
11	Võ Thị Thanh Huyền		1988	Kinh	Xã Vạn Tượng, Quảng Ngãi	Cử nhân Luật	Chánh vp đảng ủy xã Ea Drăng
12	Y Nhé Ksor	1985		Ê Đê	Xã Ea Drăng, Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Phó CT MTTQVN, kiêm CT Hội nông dân xã Ea H'Leo
13	Nguyễn Anh Khoa	1983		Kinh	Xã Chí Đam, Phú Thọ	Thạc sĩ Kinh tế	CT MTTQVN xã Ea H'Leo

14	Nguyễn Nhật Lệ		1993	Kinh	Phường Sa Huỳnh, Quảng Ngãi	Thạc sĩ Luật	Bí thư đoàn xã Ea Drang
15	Trần Hữu Linh	1957		Kinh	Xã Hương Khê, Hà Tĩnh	Sỹ quan quân đội	Cán bộ hưu trí
16	Nguyễn Đức Long	1980		Kinh	Xã Ngọc Thiện, Bắc Ninh	Cử nhân Luật	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Ea Drang
17	Bàn Tuấn Minh	1965		Dao	Xã Tam Kim, Cao Bằng	Đại học Hành chính	Cán bộ hưu trí
18	Mai Thị My		1974	Kinh	Xã Nga Sơn, Thanh Hóa	Quản lý hành chính	Cán bộ hưu trí
19	Y Chréo Niê	1974		Ê Đê	Xã Ea Drăng, Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
20	Kpă Y Prúi	1976		Ê Đê	Xã Ea Khăl, Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Ủy viên UBKT Đảng ủy xã Ea Khal
21	Lưu Văn Toan	1967		Kinh	Xã Vũ Tiên, Hưng Yên	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
22	Đàm Văn Tuấn	1987		Nùng	Xã Hà Lạng, Cao Bằng	Đại học Quân sự cơ sở	CT Hội cựu chiến binh xã Ea Wy
23	Nguyễn Quốc Thái	1979		Kinh	Xã Đức Đồng, Hà Tĩnh	Đại học sư phạm Ngữ văn	Hiệu trưởng trường THCS Ngô Quyền
24	Vũ Trường Thọ	1979		Kinh	Phường Thái Bình, Hưng Yên	Sỹ quan quân đội	Cán bộ hưu trí
25	Phạm Văn Thời	1975		Kinh	Xã Ngô Mây, Gia Lai	Đại học Hành chính	Chủ tịch MTTQVN xã Ea Khăl
26	Trần Thị Thúy		1973	Kinh	Xã Nhân Hà, Ninh Bình	Cử nhân sư phạm	Cán bộ hưu trí
27	Nông Thị Thùy Trang		1978	Tày	Xã Nùng Chí Cao, Cao Bằng	Đại học sư phạm	Giáo viên trường DTNT Ea H'leo
28	Phan Tuấn Vinh	1967		Kinh	Xã Đường An, Hải Phòng	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
29	Nguyễn Khắc Vũ	1959		Kinh	Xã Lệ Thủy, Quảng Trị	Cử nhân sư phạm	Cán bộ hưu trí
30	Phan Thị Hồng Vy		1981	Kinh	Xã Phù Mỹ Bắc, Gia Lai	Cử nhân Luật	Phó CT MTTQVN kiêm chủ tịch hội Phụ nữ xã Ea Wy

**Phụ lục XI**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác hiện nay
		Nam	Nữ				
1	Nguyễn Thị Kim Anh		1975	Kinh	TP Huế	Đại học Luật	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Đliê Ya, Đắk Lắk
2	Cao Huỳnh Bồng	1986		Kinh	TP Huế	Đại học	Giám đốc Trung tâm chính trị xã Krông Năng, Đắk Lắk
3	Nông Thanh Cảnh	1993		Nùng		Đại học luật	Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM xã Tam Giang, Đắk Lắk
4	Nguyễn Thị Chinh		1960	Kinh	Nghệ An	Cao đẳng sư phạm	Giáo viên nghỉ hưu
5	Nguyễn Tiến Chức	1978		Kinh	Hà Tĩnh	Đại học	Cán bộ nghỉ hưu
6	Trịnh Văn Duân	1979		Kinh	Hà Nội	Trung cấp	Cán bộ nghỉ hưu
7	Lê Phước Dũng	1974		Kinh	Quảng Ngãi	Đại học	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Krông Năng, Đắk Lắk
8	Phan Ngọc Đài	1960		Kinh	Nghệ An	Thạc sĩ	Giáo viên nghỉ hưu
9	Lã Mạnh Hà	1974		Kinh	Thanh Hóa	Thạc sĩ	Hiệu trưởng trường PTTH Phan Bội Châu, Đắk Lắk
10	Nguyễn Trung Hiếu	1970		Kinh	Nghệ An	Đại học	Phó Chủ tịch UBMTTQ xã Phú Xuân, Đắk Lắk
11	La Thanh Hoàng	1991		Tày	Tuyên Quang	Đại học	Bí thư Đoàn TNCS HCM xã Phú Xuân, Đắk Lắk
12	Lê Văn Hồng	1962		Kinh	Quảng Ngãi	Đại học Y	Cán bộ nghỉ hưu
13	Lê Đăng Huân	1960		Kinh	Hà Tĩnh	Đại học sư phạm	Giáo viên nghỉ hưu
14	Vũ Văn Khiêm	1977		Kinh	Hung Yên	Đại học	Chủ tịch Hội nông dân xã Krông Năng, Đắk Lắk
15	Châu Văn Lượm	1967		Kinh	Tây Ninh	Đại học luật	Cán bộ nghỉ hưu

16	H' Jel Mlô		1982	Êđê	Đắk Lắk	Đại học Luật	Phó chủ tịch UBMTTQ xã Phú Xuân, Đắk Lắk
17	Nguyễn Văn Mười	1960		Kinh	Nghệ An	Đại học sư phạm	Cán bộ nghỉ hưu
18	Y Míp Niê	1958		Êđê	Đắk Lắk	Đại học sư phạm	Giáo viên nghỉ hưu
19	H' Win Niê		1978	Êđê	Đắk Lắk	Đại học	Phó chủ tịch UBMTTQ xã Krông Năng, Đắk Lắk
20	Lâm Thị Niêm		1991	Tày	Cao Bằng	Đại học luật	Bí thư Đoàn TNCS HCM xã Dliê Ya, Đắk Lắk
21	Trần Hữu Nghị	1958		Kinh	Thanh Hóa	Đại học Luật	Cán bộ nghỉ hưu
22	Đình Chí Nghĩa	1983		Kinh	Quảng Trị	Đại học	Phó Chủ tịch UBMTTQ xã Tam Giang, Đắk Lắk
23	Phan Viết Nghĩa	1962		Kinh	Hà Tĩnh	Đại học	Cán bộ nghỉ hưu
24	Nguyễn Thanh Phong	1958		Kinh	Quảng Ngãi	Đại học luật	Cán bộ nghỉ hưu
25	Nguyễn Văn Sáu	1958		Kinh	Bắc Ninh	Trung cấp kế toán	Cán bộ nghỉ hưu
26	Nguyễn Hữu Thanh	1972		Kinh	Hà Tĩnh	Đại học sư phạm	Phó Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn, xã Krông Năng
27	Nguyễn Văn Thành	1978		Kinh	Nghệ An	Đại học sư phạm	Phó Hiệu trưởng Trường THCS Hoàng Văn Thụ, xã Tam Giang, Đắk Lắk
28	Nguyễn Huy Thọ	1980		Kinh	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng trường PTTT Phan Bội Châu, Đắk Lắk
29	Lại Thị Thoa		1968	Kinh	Hải Dương	Đại học	Cán bộ nghỉ hưu
30	Phan Văn Trọng	1981		Kinh	Hà Tĩnh	Đại học luật	Chủ tịch UBMTTQ xã Dliê Ya, Đắk Lắk

**Phụ lục XII**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác hiện nay
		Nam	Nữ				
1	Đặng Quang Anh	1963		Kinh	Xã Phú Hòa 2, Đắk Lắk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
2	Nguyễn Huỳnh Bảo	1989		Kinh	Xã Đồng Xuân, Đắk Lắk	Đại học – Quản trị kinh doanh	Phó trưởng ban kinh tế - Chính sách HNDN phường Tuy Hòa
3	Lương Văn Cang	1963		Kinh	P Tuy Hòa, Đắk Lắk	Đại học – sư phạm	Cán bộ hưu trí
4	Võ Chùm	1961		Kinh	Xã Tây Hòa, Đắk Lắk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
5	Đình Công Danh	1961		Kinh	Xã Tây Hòa, Đắk Lắk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
6	Trần Quang Đạt	1961		Kinh	P Tuy Hòa, Đắk Lắk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
7	Nguyễn Ngọc Đức	1961		Kinh	Xã Minh Tân, Nam Định	Đại học quân sự	Cán bộ hưu trí
8	Lê Phú Hào	1971		Kinh	P Phú Yên, Đắk Lắk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
9	Huỳnh Khắc Hiếu	1958		Kinh	P Tuy Hòa, Đắk Lắk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
10	Trần Ngọc Hoàng	1969		Kinh	P Tuy Hòa, Đắk Lắk	Chuyên Khoa cấp I	Trưởng phòng kế hoạch nghiệp vụ - điều dưỡng Trung tâm y tế Tuy Hòa
11	Mai Tấn Hoàng	1966		Kinh	P Phú Yên, Đắk Lắk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
12	Hà Văn Lam	1973		Kinh	Xã Tuy An Bắc, Đắk Lắk	Thạc sỹ – Quản trị kinh doanh	PCT UBMTTQVN phường Tuy Hòa
13	Đoàn Thế Linh	1966		Kinh	P Bình Kiến, Đắk Lắk	Đại học – Sư phạm	Phó hiệu trưởng, Trường THCS Lương Thế Vinh
14	Nguyễn Thị Hồng Loan		1971	Kinh	Xã Tây Hòa, Đắk Lắk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí

15	Trần Đại Minh	1993		Kinh	P Tuy Hòa, Đăk Lăk	Đại học – Quản lý nhà nước	Phó bí thư đoàn phường Tuy Hòa
16	Phạm Văn Nam	1961		Kinh	P Tuy Hòa, Đăk Lăk	Đại học quân sự	Cán bộ hưu trí
17	Đào Thị Ngâm		1962	Kinh	Xã Phú Hòa, Đăk Lăk	Đại học – Quản trị kinh doanh	Cán bộ hưu trí
18	Nguyễn Xuân Nghi	1965		Kinh	Xã Phú Hòa 1, Đăk Lăk	Đại học – Sư phạm	Cán bộ hưu trí
19	Lê Thị Đông Nguyệt		1980	Kinh	P Tuy Hòa, Đăk Lăk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
20	Nguyễn Văn Nhượng	1963		Kinh	Xã Phú Hòa 1, Đăk Lăk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
21	Nguyễn Tấn Phát	1982		Kinh	P Bình Kiến, Đăk Lăk	Đại học – Kinh tế - Luật	Cán bộ hưu trí
22	Lê Nhật Hoàng Phương	1989		Kinh	P Tuy Hòa, Đăk Lăk	Đại học – Kỹ sư công trình xây dựng	Chuyên viên UBND phường Bình Kiến
23	Đậu Thị Quy		1969	Kinh	Xã Diên Châu, Nghệ An	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
24	Phí Thị Hồng Tắng		1981	Kinh	P Bình Kiến, Đăk Lăk	Đại học – Luật	PCT Thường trực Ủy ban MTTQVN phường Bình Kiến
25	Nguyễn Khắc Tân	1971		Kinh	Xã Tuy An Bắc, Đăk Lăk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
26	Huỳnh Quốc Toàn	1992		Kinh	P Phú Yên, Đăk Lăk	Đại học – Luật	Bí thư đoàn phường Phú Yên
27	Bùi Anh Tuấn	1974		Kinh	P Tuy Hòa, Đăk Lăk	Thạc sĩ – Quản lý giáo dục	Hiệu trưởng
28	Huỳnh Đức Thắng	1978		Kinh	P Phú Yên, Đăk Lăk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
29	Nguyễn Hữu Trúc	1960		Kinh	P Hòa Hiệp, Đăk Lăk	Đại học – Luật	Cán bộ hưu trí
30	Huỳnh Thị Ái Vy		1977	Kinh	P Tuy Hòa, Đăk Lăk	Thạc sĩ – Quản lý giáo dục	Hiệu trưởng Trường THCS Tôn Đức Thắng

**Phụ lục XIII**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác hiện nay
		Nam	Nữ				
1	Lê Văn Bảy	13/6/1983		Kinh	Khu phố Phú Lạc, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk	Đại học Luật	Chuyên viên MTTQ, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh phường Hòa Hiệp
2	Hồ Tấn Nguyên Bình	23/7/1979		Kinh	Phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk	Đại học An ninh nhân dân, thạc sĩ Luật	UV.BTV Đảng ủy, Trưởng Ban Xây dựng Đảng, GD Trung tâm chính trị phường Đông Hòa
3	Nguyễn Xuân Danh	15/2/1992		Kinh	Khu phố Phú Lương, phường Đông Hoà	Đại học kỹ thuật công trình xây dựng	Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, Bí thư Đoàn TNCS HCM phường Đông Hòa
4	Đoàn Dũng	12/5/1960		Kinh	Thôn Phú Khê 1, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Cán bộ Hưu trí, xã Hòa Xuân
5	Phạm Ngọc Điều	16/9/1968		Kinh	Khu phố Phú Thọ 1, phường Hoà Hiệp, Đắk Lắk	Cử nhân kinh tế - Luật	Cán bộ hưu trí, phường Hòa Hiệp
6	Nguyễn Công Định	8/5/1978		Kinh	Xã Phú Hòa 1, Đắk Lắk	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, Chủ tịch Hội Nông dân phường Đông Hòa
7	Trần Thị Hào		7/11/1994	Kinh	Thôn Thọ Lâm, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk	Đại học Ngữ Văn	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên xã Hòa Xuân
8	Nguyễn Thị Hòa		19/6/1980	Kinh	Khu phố Phước Bình Bắc, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk.	Đại học Mỹ Thuật	Giáo viên Trường THCS Nguyễn Chí Thanh, Hòa Xuân
9	Lưu Vĩnh Hòa	18/8/1978		Kinh	Khu phố Phú Lương, phường Đông Hoà, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sĩ giáo dục và phát triển cộng đồng	Phó Trưởng Ban Xây dựng Đảng, phường Đông Hòa

10	Nguyễn Thanh Hòa	16/9/1980		Kinh	Thôn Hội Cư, xã Tây Hòa, tỉnh Đăk Lăk	Đại học công nghệ thông tin - Đại học kinh tế luật	Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, Chủ tịch Công Đoàn phường Đông Hòa
11	Lê Thị Hơ		21/12/1981	Kinh	khu phố 1, Đông Hoà, Phú Yên	Thạc sĩ Giáo dục và phát triển cộng đồng	Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường, Chủ tịch Hội LHPN phường Đông Hòa
12	Phạm Tô Hữu	20/10/1984		Kinh	Thôn Phước Mỹ Tây, xã Tây Hòa, tỉnh Đăk Lăk	Đại học công tác xã hội	Giám đốc HTX DVNN TH Hòa Hiệp Trung
13	Lương Văn Khạng	9/10/1963		Kinh	Khu phố Đa Ngư, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đăk Lăk	Đại học Nông - Lâm - Hóa	Cán bộ hưu trí
14	Lê Thanh Khánh	27/12/1975		Kinh	Khu phố Thạch Châm, phường Đông Hòa, tỉnh Đăk Lăk	Đại học sư phạm	Hiệu Trưởng Trường TH Nguyễn Trãi, khu phố Phú Thọ 1, P. Hòa Hiệp, Đăk Lăk
15	Phạm Văn Khánh	27/2/1960		Kinh	Khu phố Bàn Nham Nam, phường Đông Hòa, tỉnh Đăk Lăk	Cử nhân luật	Cán bộ hưu trí
16	Ngô Thái Lâm	11/7/1966		Kinh	Kp Uất Lâm, phường Hoà Hiệp, tỉnh Đăk Lăk	Cử nhân kinh tế kỹ thuật	Cán bộ hưu trí, phường Hòa Hiệp
17	Nguyễn Hải Ninh	12/20/1977		Kinh	Thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân, tỉnh Đăk Lăk	Đại học Công tác xã hội	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân xã Hòa Xuân
18	Trần Duy Ngọc	25/5/1969		Kinh	Khu phố Phú Hòa, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đăk Lăk	Đại học kiến trúc Hà Nội	Cán bộ hưu trí, phường Hòa Hiệp
19	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		20/6/1983	Kinh	thôn Phú Khê 1, xã Hòa Xuân, tỉnh Đăk Lăk	Đại học công tác xã hội	Chuyên viên UBMTTQVN xã, Phó Chủ tịch Hội LHPN xã
20	Nguyễn Thị Phụng		20/10/1985	Kinh	Cánh Phước, Đông Hòa, Đăk Lăk	Đại học sư phạm	Giáo viên Trường TH và THCS Lê Thánh Tôn, xã Hòa Xuân
21	Cao Hồng Phương	1/5/1969		Kinh	Khu phố Phú Lạc, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đăk Lăk	Y sĩ đa khoa	Giao điều hành Trạm Y tế phường

22	Nguyễn Thị Tàu		12/20/1972	Kinh	Thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Trung cấp văn thư hành chính	Cán bộ Hưu trí, xã Hòa Xuân
23	Nguyễn Bảo Toàn	25/5/1975		Kinh	khu phố Phú Hòa, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk	Đại học sư phạm Sử - Chính trị	Phó Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Văn Linh, KP Phú Hòa, phường Hòa Hiệp
24	Đình Minh Tuân	31/10/1986		Kinh	Thôn Quang Hưng, xã Phú Hoà 2, tỉnh Đắk Lắk.	Thạc sĩ Luật	Phó Chánh văn phòng Đảng ủy xã Hòa Xuân
25	Nguyễn Thị Tuyết		20/11/1985	Kinh	Khu phố Phước Bình Nam , phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk	Bác sĩ	Nhân viên Trạm y tế phường Đông Hòa
26	Nguyễn Thị Phương Trang		22/5/1980	Kinh	Phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk	Đại học công tác xã hội	Phó Chủ tịch MTTQVN, Chủ tịch Hội Phụ nữ phường Hòa Hiệp
27	Nguyễn Văn Trí	21/9/1984		Kinh	Khu phố Phú Hòa, phường Hòa Hiệp tỉnh Đắk Lắk	Đại học Kinh tế Luật	Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường Hòa Hiệp
28	Nguyễn Thị Thanh Trúc		20/11/1989	Kinh	Thôn Mỹ Lệ, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sĩ Quản lý văn hóa	Phó trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội UBND phường Hòa Hiệp
29	Phạm Minh Trung	4/1/1987		Kinh	Thôn Bàn Thạch, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Đại học Kinh tế Luật	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường Hòa Hiệp
30	Huỳnh Thế Vinh	3/28/1972			Khu phố Quy Hậu, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Bác sĩ CKI	Phó Giám đốc Trạm Y tế xã Hòa Xuân

**Phụ lục XIV**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác hiện nay
		Nam	Nữ				
1	Nguyễn Thị Kim Chi		25/11/1989	Kinh	Thôn Phú Khánh, xã Tây Hòa, Đắk Lắk	Cử nhân kinh tế	PCT HĐND xã Hòa Thịnh
2	Nguyễn Thị Huyền Diệu		1/1/1990	Kinh	Thôn Phú Phú Phong, xã Hòa Thịnh, Đắk Lắk	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Phó Chủ tịch UBMTTQVN, Bí thư Đoàn thanh niên xã Hòa Mỹ
3	Đặng Nguyên Dương	1/1/1973		Kinh	Phường Phú Yên, Đắk Lắk	Cử nhân Kế toán	Cán bộ Hưu trí xã Tây Hòa
4	Tạ Hồng Hà	15/3/1959		Kinh	Xã Vĩnh Tường, Phú Thọ	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Cán bộ hưu trí xã Tây Hòa
5	Phan Thị Thúy Hằng		8/2/1959	Kinh	Khu phố Vĩnh Phú, phường Tuy Hòa, Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Cán bộ Hưu trí xã Phú Hòa 2
6	Phạm Thị Lan Huệ		30/7/1982	Kinh	Phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân công tác xã hội	PCT. UBMTTQVN xã kiêm Chủ tịch Hội LHPN xã Sơn Thành
7	Nguyễn Thế Khoa	26/2/1961		Kinh	Thôn Phụng Tường 1, xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Cán bộ Hưu trí Xã Phú Hòa 2
8	Trương Trọng Lam	1/1/1966		Kinh	Thôn Phú Thuận, xã Hòa Mỹ, tỉnh Đắk Lắk	ĐH Kinh tế nông lâm	Cán bộ Hưu trí xã Hòa Mỹ
9	Phan Thị Liên		10/4/1961	Kinh	Thôn Phước Thành Đông, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	ĐH sư phạm	Cán bộ Hưu trí Xã Tây Hòa
10	Lê Thị Thùy Linh		1/5/1984	Kinh	Thôn Phú Lộc, xã Phú Hòa 1, tỉnh Đắk Lắk	Đại học sư phạm âm nhạc	Giáo viên âm nhạc trường tiểu học Phú Hòa

11	Ngô Thị Hồng Mận		13/2/1980	Kinh	Thôn Lạc Nghiệp, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân công tác xã hội	Phó Chủ tịch UBMTTQVN, Chủ tịch Hội LHPN xã Tây Hòa
12	Trần Thị Hồng Nga		22/1/1979	Kinh	Khu phố Liên Tri 3, phường Bình Kiên, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Ủy viên BTV Đảng ủy, PCT HĐND xã Phú Hòa 2
13	Lương Thái Nguyên	9/12/1977		Kinh	Khu phố Phú Nông, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk	ĐH sư phạm Anh	Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Anh Hào
14	Nguyễn Thành Nhi	20/10/1965		Kinh	Xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk	ĐH sư phạm Văn	Trường THCS Phạm Văn Đồng
15	Nguyễn Hữu Pháp	28/10/1959		Kinh	Thôn Phú Hữu, xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật - Kỹ sư kinh tế	Cán bộ Hưu trí xã Hòa Thịnh
16	Trần Tấn Phát	7/9/1992		Kinh	Xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân công tác xã hội, Cử nhân Luật	PCT. UBMTTQVN xã kiêm Bí thư Đoàn xã Sơn Thành
17	Trần Kim Phê	10/3/1963		Kinh	Thôn Lạc Nghiệp, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân hành chính	Cán bộ Hưu trí xã Tây Hòa
18	Trần Văn Phương	18/6/1965		Kinh	Xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí xã Phú Hòa 2
19	Nguyễn Đình Phương	3/2/1960		Kinh	Thôn Vinh Ba, xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân luật	Cán bộ hưu trí xã Hòa Thịnh
20	Nguyễn Siêng	8/1/1965		Kinh	Xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân kinh tế kỹ thuật	Cán bộ Hưu trí xã Phú Hòa 2
21	Bùi Công Tuấn Tú	2/10/1997		Kinh	Xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk	Đại học quan hệ lao động; Đại học ngoại ngữ	Phó Chủ tịch UBMTTQVN, Bí thư Đoàn thanh niên xã Phú Hòa 1
22	Lê Bá Tự	15/1/1971		Kinh	Xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Cử nhân kinh tế	Cán bộ hưu trí xã Phú Hòa 2
23	Trương Đình Thành	1/8/1979		Kinh	Xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Dược sĩ chuyên khoa I	Phó Giám đốc Trung tâm y tế Tây Hòa
24	Phạm Hoàn Thiện	19/9/1978		Kinh	Xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật Thạc sỹ QTKD	Chánh Văn phòng HĐND xã Phú Hòa 2

25	Nguyễn Hữu Thịnh	24/11/1972		Kinh	Xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Kỹ sư nông học	Cán bộ Hưu trí xã Tây Hòa
26	Trương Thị Ngọc Thúy		10/8/1982	Kinh	Thôn Phú Khánh, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Kỹ sư công nghệ môi trường, Cử nhân luật	Phó Chủ tịch UBMTTQVN, Chủ tịch Hội LHPN xã Hòa Mỹ
27	Nguyễn Thị Huyền Trân		4/1/1982	Kinh	Phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Khuyến nông và PTNT	Phó Chủ tịch UBND xã Hòa Thịnh
28	Lương Công Trình	6/2/1985		Kinh	Thôn Phụng Tường 2, xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sĩ Lịch sử	Đảng ủy viên, PCT thường trực UBMTTQVN xã, Chủ tịch Hội Nông dân xã Phú Hoà 2
29	Lê Văn Trường	15/9/1965		Kinh	Thôn Định Thành, xã Phú Hòa 1, tỉnh Đắk Lắk	Đại học kinh tế	Trưởng phòng giao dịch 16, Kho bạc Nhà nước khu vực 14, Đắk Lắk
30	Nguyễn Minh Yên	7/6/1968		Kinh	Thôn Mỹ Thuận Ngoài, xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk	ĐH Giao thông vận tải	Cán bộ Hưu trí xã Tây Hòa

**Phụ lục XV**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác hiện nay
		Nam	Nữ				
1	Phạm Văn Cầu	1975		Kinh	Phường Sông Cầu, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân kinh tế	Phó Chánh VP HĐND & UBND phường Sông Cầu
2	Phạm Thị Minh Chính		1974	Kinh	Phường Sông Cầu, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
3	Nguyễn Văn Danh	1980		Kinh	Xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Phó Chủ tịch UBND xã Ô Loan
4	Phạm Văn Dũng	1963		Kinh	Xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk	Đại học	Cán bộ hưu trí
5	Đặng Thị Duyên		1967	Kinh	xã ĐỒNG XUÂN, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân	Cán bộ hưu trí
6	Phạm Găng	1963		Kinh	Xã Xuân Thọ, tỉnh Đắk Lắk	Đại học Sư phạm	Cán bộ hưu trí
7	Đỗ Thị Hải		1965	Kinh	Xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk	Đại học Luật	Cán bộ hưu trí
8	La Văn Hăng	1978		Ba na	Xã Xuân Lãnh, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sĩ	Trưởng phòng VHXH xã Xuân Lãnh
9	Đặng Hữu Hạnh	1988		Kinh	Xã Xuân Thọ, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sĩ quản lý kinh tế	Phó CT UBMTTQ kiêm Bí thư Đoàn xã Xuân Thọ
10	Nguyễn CôngHiền	1978		Kinh	Xã Hoà Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sỹ	Phó phòng KTXH xã Xuân Lãnh
11	Nguyễn Văn Hiến	1962		Kinh	Phường Sông Cầu, tỉnh Đắk Lắk	Đại học Sư phạm	Cán bộ hưu trí
12	Ngô Thành Hiệp	1973		Kinh	Xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân kinh tế	Phó Chủ tịch UBND xã Ô Loan
13	Nguyễn Văn Hoàng	1973		Kinh	Xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk	Đại học QLGD và Đại học GDTH	Hiệu trưởng trường Tiểu học An Dân
14	Phan Văn Ký	1963		Kinh	Xã Xuân Thọ, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân công tác xã hội	Cán bộ hưu trí

15	Huỳnh Ngọc Lâm	1978		Ê đê	Xuân Lãnh, Đồng Xuân	Cử nhân	Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã Đồng Xuân
16	Nguyễn Thị Kiều Linh		1985	Kinh	xã Đồng Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân	Chánh văn phòng UBND xã Xuân Phước
17	Trần Thị Phương Linh		1988	Kinh	Phường Xuân Đài, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân công tác xã hội	Phó chủ tịch UBMTTQ phường Sông Cầu
18	Nguyễn Văn Long	1969		Kinh	xã Đồng Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân luật	Cán bộ hưu trí
19	Nguyễn Ngọc Nam	1987		Kinh	xã Tuy An Đông, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Thể dục thể thao	Bí thư Đoàn trường THPT Trần Phú
20	Phạm Tấn Nghĩa	1982		Kinh	Xã Đồng Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sĩ xây dựng	Phó chủ tịch UBND xã Xuân Thọ
21	Lê Văn Ngọc	1972		Kinh	Xã Xuân Lập, tỉnh Thanh Hóa	Thạc sĩ	Trưởng phòng Kho bạc NN khu vực XIV – PGD số 18
22	Trần Hoàng Phong	1983		Kinh	Phường Sông Cầu, tỉnh Đắk Lắk	Đại học sư phạm	Giáo viên trường THPT Phan Đình Phùng
23	Nguyễn Minh Quang	1980		Kinh	Xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk	Thạc sỹ	Phó Chủ tịch UBND xã Tuy An Bắc
24	Huỳnh Trọng Sơn	1963		Kinh	xã Đồng Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân luật	Cán bộ hưu trí
25	Trần Kinh Tài	1972		Kinh	Phường Sông Cầu, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí
26	Lê Kim Tám	1983		Kinh	xã Đồng Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân sư phạm	Hiệu phó trường THPT Lê Lợi
27	Nguyễn Văn Tiến	1963		Kinh	xã Đồng Xuân, tỉnh Đắk Lắk	Cử nhân	Cán bộ hưu trí
28	Phạm Đăng Tinh	1975		Kinh	Quỳnh Trang, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Cử nhân Kinh tế Luật	Cán bộ hưu trí
29	Võ Kỳ Tùng	1966		Kinh	Xã Tuy An Bắc, tỉnh Đắk Lắk	Đại học	Cán bộ hưu trí
30	Phan Thị Hồng Tuyết		1971	Kinh	Xã Tuy An Tây, tỉnh Đắk Lắk	Đại học	Cán bộ hưu trí
31	Phạm Thị Đăng Thanh		1979	Kinh	Thôn Ngân Sơn, Tuy An Bắc, Đắk Lắk	Cử nhân Ngữ văn	Chủ tịch UBMTTQVN xã Tuy An Bắc

32	Phạm Huỳnh Trâm		1984	Kinh	Xã Tuy An Bắc, tỉnh Đăk Lăk	Cử nhân Kinh tế luật	Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã Tuy An Nam
33	Trần Ngọc Trung	1964		Kinh	Phường Sông Cầu, tỉnh Đăk Lăk	Cử nhân luật	Cán bộ hưu trí
34	Bùi Trọng Vũ	1978		Kinh	Phường Sông Cầu, tỉnh Đăk Lăk	Thạc sĩ QLGD	Phó Hiệu trưởng trường THPT Phan Chu Trinh

**Phụ lục XVI**  
**DANH SÁCH HỘI THẨM NHÂN DÂN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

STT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp, đơn vị công tác
		Nam	Nữ				
1	Alê Y Bớ	1965		Ê đê	Suối Trai, Đắk Lắk	Cử nhân Kinh tế Nông lâm	Cán bộ hưu trí xã Suối Trai
2	Bá Nguyễn Việt Thu		1983	Bana	Sơn Hòa, Đắk Lắk	Thạc sỹ Văn học, Cử nhân Sư phạm	Trưởng phòng Văn hóa - xã hội xã Sơn Hòa
3	Cao Minh Sang	1987		Kinh	Sơn Hòa, Đắk Lắk	Thạc sỹ Kỹ thuật xây dựng	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Suối Trai
4	Dương Tấn Lãnh	1983		Kinh	Tuy An Tây, Đắk Lắk	Thạc sỹ Hành chính công	Phó ban Xây dựng Đảng xã Ea Bá
5	Ka Sô Thơ		1987	Bana	Sông Hinh, Đắk Lắk	Cử nhân Kinh tế Luật	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN, kiêm Chủ tịch Phụ nữ xã Sông Hinh;
6	Ksor Y Thu	1980		Ê đê	Sông Hinh, Đắk Lắk	Cử nhân CTXH	Chuyên viên Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Ea Bá
7	Lê Mô Y Lương	1986		Ê đê	Sông Hinh, Đắk Lắk	Đại học công tác xã hội	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN, kiêm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
8	Lý Thị Thu Hằng		1976	Nùng	Đồng Hỷ, Thái Nguyên	Cử nhân Lâm nghiệp	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN xã Ea Ly
9	Nay Rồ	1971		Ê đê	Ea Bá, Đắk Lắk	Cử nhân Xây dựng	Cán bộ hưu trí xã Sông Hinh
10	Nay Chiến	1982		Ê đê	Sông Hinh, Đắk Lắk	Đại học công tác xã hội	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN, kiêm Chủ tịch Hội Nông dân xã Sông Hinh
11	Nay Y Liêu	1968		Ê đê	Sông Hinh, Đắk Lắk	Bác sỹ Đa khoa	Phó Giám đốc Trung tâm Y tế Sông Hinh

12	Niê Y Ling	1964		Ê đê	Sông Hinh, Đăk Lăk	Cử nhân CTXH	Cán bộ hưu trí xã Sông Hinh
13	Nguyễn Kỳ	1958		Kinh	Son Hòa, Đăk Lăk	Cử nhân Luật, Cử nhân Sư phạm	Cán bộ hưu trí xã Son Hòa
14	Nguyễn Nam	1960		Kinh	Tây Hòa, Đăk Lăk	Cử nhân Kinh tế Luật	Cán bộ hưu trí xã Son Hòa
15	Nguyễn Thái Bình	1956		Kinh	Yên Thành, Nghệ An	Cử nhân Sư phạm	Cán bộ hưu trí xã Son Hòa
16	Nguyễn Thị Ái Liên		1981	Kinh	Đức Bình, Đăk Lăk	Thạc sỹ chuyên ngành CTXH	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN xã Đức Bình
17	Nguyễn Thị Tuyết Mai		1982	Kinh	Son Thành, Đăk Lăk	Thạc sỹ Quản lý Hành chính công	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN, kiêm Chủ tịch Phụ nữ xã Tây Sơn.
18	Nguyễn Văn Hà	1966		Kinh	Như Thanh, Thanh Hóa	Cử nhân Kinh tế	Cán bộ hưu trí xã Sông Hinh
19	Nguyễn Vũ Yên		1960	Kinh	Vân Hòa, Đăk Lăk	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí xã Son Hòa
20	Nguyễn Xuân Hòa	1967		Kinh	Phường Phú Yên, Đăk Lăk	Cử nhân Sư phạm	Hiệu trưởng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Sông Hinh
21	Phạm Hồng Thái	1960		Kinh	Đông Xuân, Đăk Lăk	Bác sỹ chuyên khoa I	Cán bộ hưu trí xã Sông Hinh
22	Phạm Xuân Lai	1962		Kinh	Đức Bình, Đăk Lăk	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí xã Sông Hinh
23	Phan Trọng Khoan	1978		Kinh	Vân Hòa, Đăk Lăk	Đại học Hành chính	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN xã Vân Hoà.
24	Sô Minh Nghĩa	1973		Chăm H'roi	Tây Sơn, Đăk Lăk	Cử nhân Luật	Cán bộ hưu trí xã Tây Sơn
25	Trần Hữu Hòa	1979		Kinh	Đức Bình, Đăk Lăk	Cử nhân Kinh tế Luật	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN, kiêm Chủ tịch Hội Nông dân xã Ea Bá.
26	Trần Ngọc Điệp	1970		Kinh	Phường Đông Hòa, Đăk Lăk	Cử nhân Kinh tế	Cán bộ hưu trí xã Sông Hinh
27	Trần Thị Thúy		1978	Kinh	Hòa Mỹ, Đăk Lăk	Cử nhân Luật	Phó Giám đốc Trung tâm Hành chính công xã Sông Hinh

28	Trần Văn Anh Cường	1991		Kinh	Tuy An Bắc, Đắk Lắk	Cử nhân Văn hoá, Cử nhân Luật	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN, kiêm Bí thư xã đoàn xã Sông Hinh
29	Trương Thị Thu Hà		1987	Sán Dìu	Phường Phở Yên, Thái Nguyên	Thạc sỹ Hành chính công	Trưởng phòng Văn hóa - xã hội xã Sông Hinh
30	Y Thòang	1983		Bana	Sông Hinh, Đắk Lắk	Kỹ sư Nông học	Chủ tịch – Ủy ban Mặt trận TQVN xã Sông Hinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 09/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đắk Lắk, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch tổ chức các kỳ họp trong năm 2026  
của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp.*

*Xét Tờ trình số 19/TTr-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về kế hoạch tổ chức các kỳ họp năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tổ chức các kỳ họp năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, như sau:

1. Tổ chức kỳ họp thường lệ

a) Kỳ họp thường lệ giữa năm của Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 7 năm 2026.

b) Kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 12 năm 2026.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân

tỉnh và các cơ quan có liên quan chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo theo luật định.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn số lượng, danh sách Phó Trưởng Ban và Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Căn cứ Thông báo số 90-TB/BTCTU, ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo về công tác cán bộ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 có 02 Phó Trưởng Ban và 01 Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

**Điều 2.** Phê chuẩn danh sách Phó Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Bà Nguyễn Thị Vân Anh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Ông Nguyễn Khắc Long, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Phê chuẩn chức danh Ủy viên của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Nguyễn Quốc Thương, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các ông (bà) có tên tại các Điều 2, 3 theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 5.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND  
CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn số lượng, danh sách Phó Trưởng Ban và Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Căn cứ Thông báo số 90-TB/BTCTU, ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo về công tác cán bộ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 có 01 Phó Trưởng Ban và 01 Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

**Điều 2.** Phê chuẩn chức danh Phó Trưởng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Y Ớar Êñuôl, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Phê chuẩn chức danh Ủy viên Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với bà Nguyễn Thị Thanh Hương, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Trưởng Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các ông (bà) có tên tại các Điều 2, 3 theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 5.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND  
CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 108/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 4 năm 2026

### **NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn số lượng, danh sách Phó Trưởng Ban và Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

### **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Căn cứ Thông báo số 90-TB/BTCTU, ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo về công tác cán bộ; Thông báo số 92-TB/BTCTU, ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo về công tác cán bộ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 có 02 Phó Trưởng Ban và 01 Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

**Điều 2.** Phê chuẩn danh sách Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, gồm các ông có tên sau:

- Ông Phạm Văn Hanh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ông Nguyễn Bá Vinh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Phê chuẩn chức danh Ủy viên của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Nguyễn Ngọc Lân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các ông (bà) có tên tại các Điều 2, 3 theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 5.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND  
CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 109/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn số lượng, danh sách Phó Trưởng Ban và Ủy viên là đại biểu  
Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Ban Văn hóa - Xã hội  
Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13 tháng 3 năm 2026  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất  
của Hội đồng nhân dân các cấp;*

*Căn cứ Thông báo số 90-TB/BTCTU, ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ban  
Tổ chức Tỉnh ủy thông báo về công tác cán bộ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập các Ban của Hội đồng nhân dân  
tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 có 02 Phó Trưởng Ban và 01 Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

**Điều 2.** Phê chuẩn danh sách Phó Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, gồm các ông (bà) có tên sau:

- Ông Nguyễn Ngọc Hoàng, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Bà Tạ Thị Thu Hương, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Phê chuẩn chức danh Ủy viên của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Nguyễn Văn Đông, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các ông (bà) có tên tại các Điều 2, 3 theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 5.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND  
CHỦ TỊCH**

**Cao Thị Hòa An**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn - phường Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262 8585868

E-mail: [congbao@daklak.gov.vn](mailto:congbao@daklak.gov.vn)